

**CÔNG TY CPTV QUY HOẠCH
THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS - XD: 48.009**

Địa chỉ: Km3, đường Nguyễn Văn Cừ,
phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 02033.835736

Email: Vienthietkeqn@gmail.com

**HỒ SƠ CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

**TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG:
CÔNG TY CPTV QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH**

MỤC LỤC

Phần 1: CÁC PHÉP THỬ CÔNG BỐ

1. Văn bản công bố công khai thông tin đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Phần 2: HỒ SƠ PHÁP LÝ, CÁC QUYẾT ĐỊNH

1. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh
2. Quyết định thành lập Phòng thí nghiệm
3. Quyết định bổ nhiệm trưởng phòng thí nghiệm
4. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên và công việc thực hiện
5. Bằng cấp, chứng chỉ thí nghiệm viên và Hợp đồng lao động kèm theo

Phần 3: HỒ SƠ HỆ THỐNG QUẢN LÝ PTN THEO ISO 17025

1. Quyết định thành lập Ban soạn thảo ISO 17025
2. Sổ tay chất lượng ISO 17025:2017
3. Danh mục các quy trình quản lý chất lượng
4. Quyết định áp dụng hệ thống quản lý ISO 17025:2017

Phần 4: HỒ SƠ NĂNG LỰC THIẾT BỊ

1. Danh mục trang thiết bị phòng thí nghiệm
2. Hợp đồng mua bán thiết bị, biên bản bàn giao, hoá đơn thiết bị
3. Giấy kiểm định thiết bị

Phần 5: HỒ SƠ CHỨNG MINH ĐỊA ĐIỂM ĐẠT PHÒNG THÍ NGHIỆM

1. Hợp đồng thuê mặt bằng phòng thí nghiệm
2. Sơ đồ mặt bằng bố trí phòng thí nghiệm

PHẦN I: CÁC PHÉP THỬ CÔNG BỐ

1047
CÔNG
CỔ P
/ÁN Q
IẾT K
QUA
4 Q

Quảng Ninh ngày 10 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh;

Chủ đầu tư, Ban QLDA, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Công ty CP tư vấn Quy hoạch Thiết kế Xây dựng Quảng Ninh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty số: 5700479203, thay đổi lần 8 ngày 10 tháng 09 năm 2025 do Phòng quản lý doanh nghiệp Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh cấp.
- Địa chỉ: Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ; phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 033.3835738
- Email: Vienthietkeqn@gmail.com
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 48.009
- Địa chỉ: Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ; phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh..

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động chuyên ngành xây dựng:

Số TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I	Thử nghiệm cơ lý đất, đá trong phòng			
01	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Cối chà sừ, cân điện tử 0,01, bình tỷ trọng, bép cát, nước cất, máy tính	Nguyễn Thị Thu Hà Bùi Thị Hồng Phương
02	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy tiêu chuẩn, hộp nhôm, cân điện tử 0,01, máy tính	Nguyễn Thị Thu Hà Bùi Thị Hồng Phương
03	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Tấm kính mờ, dụng cụ Vaxilep, Tủ sấy TC, hộp nhôm, cân điện tử 0,01, máy tính	Nguyễn Thị Thu Hà Bùi Thị Hồng Phương

920
3 TY
HÀN
UY HO
XÂY D
IG NIN
ANG

			TC, hộp nhôm, cân điện tử 0,01, máy tính	Bùi Thị Hồng Phuong
04	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	Cân KT, cân điện tử, khay mẫu, cối chày sứ, sàng các cỡ hạt từ 0,01mm – 10 mm, bình thủy tinh 1000 ml, tỷ trọng kế, đồng hồ bấm giây, máy tính.	Nguyễn Thị Thu Hà Bùi Thị Hồng Phuong
05	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012	Dao vòng, máy cắt phẳng (Máy cắt ứng biến)	Nguyễn Thị Thu Hà Bùi Thị Hồng Phuong
06	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Dao vòng, máy nén tam liên	Nguyễn Thị Thu Hà Bùi Thị Hồng Phuong
07	Xác định hệ số thấm	TCVN 8723:2012	Hộp thấm, cột thấm, cân điện tử, sàng rây, tủ sấy tiêu chuẩn	Nguyễn Thị Thu Hà Bùi Thị Hồng Phuong
08	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng): PP dao vòng.	TCVN 4202:2012	Dao vòng, cân kỹ thuật, cân điện tử, và các dụng cụ phụ trợ.	Nguyễn Thị Thu Hà Bùi Thị Hồng Phuong
09	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 10324:2014	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cưa đá và các dụng cụ khác	Nguyễn Thị Thu Hà Bùi Thị Hồng Phuong
10	Xác định độ ẩm của đá	TCVN 10321:2014	Tủ sấy tiêu chuẩn, hộp nhôm, cân điện tử 0,01, máy tính	Bùi Thị Hồng Phuong
11	Xác định khối lượng thể tích của đá	TCVN 10322:2014	Tủ sấy tiêu chuẩn, cân điện tử 0,01, máy cưa cắt đá, máy tính	Bùi Thị Hồng Phuong
12	Xác định khối lượng riêng của đá	TCVN 8735:2012	Tủ sấy tiêu chuẩn, cân điện tử 0,01, bình tỷ trọng, bép cát, nước cất, máy tính	Bùi Thị Hồng Phuong
II	Thử nghiệm tại hiện trường			
13	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022	Máy khoan loại XY-1A và tương tự để khoan tạo lỗ đến độ sâu cần TN. Bộ thiết bị xuyên tiêu chuẩn SPT gồm Mũi	Nguyễn Mạnh Hùng Nguyễn Hồng Thái



			xuyên, thanh định hướng và ống móc kéo tạ, đế tạ, quả tạ 67,5 kg.	
--	--	--	---	--

Công ty CP tư vấn quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

CƠ QUAN QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Sở xây dựng Quảng Ninh
- Các tổ chức, doanh nghiệp chủ đầu tư liên quan
- Lưu VP



GIÁM ĐỐC
Vũ Thế Anh

PHẦN II: HỒ SƠ PHÁP LÝ, CÁC QUYẾT ĐỊNH

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 5700479203

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 01 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 10 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH
THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Km số 3, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02033.835738

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ: 2.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 28.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: VŨ THẾ ANH

Giới tính: Nam

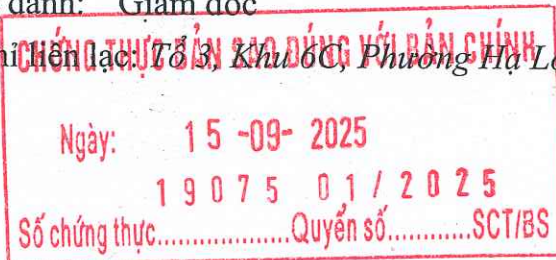
Ngày, tháng, năm sinh: 11/07/1976

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 022076000410

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: **CHỖ CHỮ THỰC SẴN SAO ĐÓNG KÝ BẢN CHÍNH**
Tổ 3, Khu 03, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam



**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Đức Hùng

CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Thơm

CÔNG TY CPTVQHTKXD
QUẢNG NINH

--00000-----
Số: QĐ/CPTV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----00000-----
Hà Long, ngày 20 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Quảng Ninh;

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Phòng Thí nghiệm Địa kỹ thuật thuộc công ty cổ phần tư vấn quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh

Điều 2. Phòng Thí nghiệm Địa kỹ thuật Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất đá, thí nghiệm hiện trường nền móng công trình, phục vụ công tác khảo sát và thiết kế xây dựng công trình trong phạm vi cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của Pháp luật;

Điều 3. Các Phòng ban công ty và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT.

CÔNG TY CPTVQHTKXD QUẢNG NINH



GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP TƯ VẤN QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh;
- Căn cứ quy chế và chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất của công ty;
- Xét năng lực, đạo đức cán bộ và đề nghị của Giám đốc xí nghiệp Khảo sát.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

Nay bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kỹ sư địa chất công trình, hiện đang công tác tại Xí nghiệp khảo sát, đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng thí nghiệm địa kỹ thuật của Công ty cổ phần tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh kể từ ngày 02/02/2024 thay thế cho bà Đỗ Thủy Vân.

Điều 2:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà có trách nhiệm điều hành phòng thí nghiệm đại kỹ thuật theo quy định hiện hành của pháp luật và phù hợp với điều lệ, quy chế hoạt động của công ty. Lương và các khoản phụ cấp khác của bà Hà được hưởng theo quy định của nhà nước và quy chế tiền lương của công ty.

Điều 3:

Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và Bà Nguyễn Thị Thu Hà căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**CÔNG TY CP TƯ VẤN QUY HOẠCH THIẾT
KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH**

Giám đốc



Vũ Thế Anh

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc
- Các đơn vị sản xuất;
- Phòng QLNV;

Quảng Ninh ngày 10 tháng 04 năm 2026

DANH SÁCH CÁN BỘ PHÒNG THÍ NGHIỆM

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Công ty CP tư vấn Quy hoạch Thiết kế Xây dựng Quảng Ninh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty số: 5700479203, thay đổi lần 8 ngày 10 tháng 09 năm 2025 do Phòng quản lý doanh nghiệp Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh cấp.
- Địa chỉ: Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ; phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 033.3835738
- Email: Vienthietkeqn@gmail.com

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS – XD 48.009

- Địa chỉ: Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ; phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 0912225777
- Trưởng phòng thí nghiệm: Nguyễn Thị Thu Hà Kỹ sư Địa chất công trình

(Danh sách nhân sự theo bảng chi tiết kèm theo)

Công ty CP tư vấn quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin.

CÔNG TY CPTV QUY HOẠCH
THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH



DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN VÀ CÔNG VIỆC THỰC HIỆN

Số TT	Họ và tên Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn, bằng cấp, chứng chỉ	Hợp đồng lao động Ngày tháng năm	Tài liệu bảng lương, số sổ BHXH hoặc các tài liệu khác	Chức năng, nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Thu Hà (30/04/1980)	<p>Kỹ sư</p> <p>Bằng tốt nghiệp đại học số B0210791 do Trường Đại học Mở - Địa Chất cấp ngày 16/12/2002</p> <p>- Chứng chỉ số 5513/2004 do Viện khoa học công nghệ xây dựng cấp ngày 2/12/2004</p> <p>-Chứng chỉ số 06.K85.23/QLPTN do Trung tâm đào tạo và thông tin Viện khoa học và công nghệ GTVT cấp ngày 5/12/2023</p> <p>-Chứng chỉ số QNI-00092491 do Sở xây dựng QN cấp ngày 30/05/2025</p> <p>-Chứng chỉ số 008/2024/GQG do Công ty CP tập đoàn chất lượng toàn cầu cấp ngày 3/04/2024</p>	HĐLĐ Số 63/2018 Ngày 01/01/2018	Số sổ BHXH 2004011977	<p>-Trưởng phòng TN phụ trách chung điều hành mọi công việc liên quan đến PTN</p> <p>-Chiịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm.</p> <p>-Trực tiếp điều động nhân sự trong PTN</p> <p>-Quản lý trang thiết bị TN, có kế hoạch trong phòng TN để đảm bảo công tác quản lý tài sản của công ty.</p> <p>-Tham gia xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn và quy chế quản lý phòng thí nghiệm hiện hành theo quy định.</p> <p>-Trực tiếp tham gia TN; thí nghiệm SPT ngoài hiện trường và chịu trách nhiệm về các kết quả TN.</p> <p>- Đề xuất với Ban lãnh đạo Công ty về các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề.</p> <p>-Quản lý trực tiếp hồ sơ, kết quả TN, tiến độ các công trình mà công ty tham gia TN.</p>
2	Bùi Thị Hồng Phương (01/09/1984)	<p>Chứng chỉ số 16371/2024 do Viện khoa học công</p>	HĐLĐ Số 69/2024	Số sổ BHXH 2211017403	<p>-Thí nghiệm viên tiếp nhận mẫu, mã hóa mẫu TN, vào sổ lưu</p>



		nghệ xây dựng cấp ngày 29/08/2024	Ngày 01/01/2024		mẫu, theo dõi quá trình lưu mẫu và hủy lưu mẫu -Trực tiếp tham gia TN và chịu trách nhiệm về các kết quả TN. -Giúp trưởng phòng theo dõi quản lý trang thiết bị TN; lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị định kỳ hoặc có yêu cầu đột xuất -Tham gia công tác soạn thảo hệ thống QLCL
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Bằng tốt nghiệp Đại học ngành địa chất Số B322192 do Trường ĐHKHTN Hà Nội cấp ngày 22/06/2021 -Chứng chỉ số QNI-00084124 do Sở xây dựng QN cấp ngày 10/12/2024	HDLĐ Số 62/2018 Ngày 01/01/2018	Số sổ BHXH 3122143756	Thí nghiệm viên tham gia trực tiếp công tác thí nghiệm SPT ngoài hiện trường và chịu trách nhiệm về kết quả TN.
4	Nguyễn Hồng Thái	Bằng tốt nghiệp Đại học ngành địa chất Số 2018/VLVH/31 do Trường ĐHMỏ Địa chất cấp ngày 06/07/2018 -Chứng chỉ số QNI-00166877 do Sở xây dựng QN cấp ngày 17/05/2023 -Chứng chỉ số TP88/ĐCCT do Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ địa chất – Trường đại học Mỏ -Địa chất cấp ngày 26/01/2019	HDLĐ Số 70/2024 Ngày 01/01/2024	Số sổ BHXH 2215005888	-Thí nghiệm viên trực tiếp tham gia công tác thí nghiệm trong phòng; thí nghiệm SPT ngoài hiện trường và chịu trách nhiệm về kết quả TN.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại học Mỏ - Địa chất
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Loại hình đào tạo CHÍNH QUY
ngành *Địa chất thủy văn - GGGG*
hạng *TB Khá* năm tốt nghiệp *2002*
và công nhận danh hiệu

Thầy out

cho *Nguyễn Thị Thu Hà*
sinh ngày *30/01/1980* tại *Hà Nam*

..... *Hà Nội* ngày *16* tháng *12* năm *2002*

Hiệu trưởng *[Signature]*
Khoa trưởng *[Signature]*



Số hiệu bằng

B *0210791*

Số vào sổ

..... *48-0242*

Chữ ký của người được cấp bằng

[Signature]

**HANOI UNIVERSITY
OF MINING AND GEOLOGY**
CONSULTANCY, TECHNOLOGY DEVELOPMENT AND
CONSTRUCTION IN MINING AND GEOLOGY, Co. Ltd.



It is hereby certified that
Mr/Mrs. Nguyen Hong Thai

Has successfully passed the Training Course on
**Laboratorial Testing Methods for
the Physical - Mechanical
Properties of Soils**

Ref. N^o. TP & DCCT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI
CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Chứng nhận: **Nguyễn Hồng Thái**

Ngày sinh: **06/01/1992**

Quê quán: **Hải Phòng**

Địa chỉ: **Công ty CP Tư vấn QHTKXD Quảng Ninh**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
của đất trong phòng thí nghiệm**

Thời gian tổ chức: Từ **11/01** đến **25/01** năm **2019**
Tại: **Trường Đại học Mỏ - Địa chất**



Hà Nội, ngày **26** tháng **01** năm **2019**
GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Thái
PGS.TS: **Trần Trọng Cường**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY
(HUMG)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT
CONSULTANCY, TECHNOLOGY DEVELOPMENT AND
CONSTRUCTION IN MINING AND GEOLOGY Co. Ltd.
(CODECO)



GIẤY CHỨNG NHẬN

(Bảo tạo thí nghiệm xây dựng)

CERTIFICATE
OF CONSTRUCTIONAL TEST TRAINING COURSE

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:
Mrs. BUI THI HONG PHUONG

Has successfully passed the Training Course on

*Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils*

Ref. N^o: 16371 /2024/VKH - TNXXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Bà **BUI THI HONG PHUONG**
Ngày sinh: **01/09/1984** - Quê quán: **Hải Phòng**
Cơ quan: **Công ty CP Tư vấn Quy hoạch Thiết kế
Xây dựng Quảng Ninh**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

*Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý
của đất trong phòng và hiện trường*

Thời gian tổ chức: Từ ngày **06/08/2024** đến ngày **22/08/2024**
Tại: Viện Khoa học công nghệ xây dựng

Hải Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG

**KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**
T.S. Nguyễn Hồng Hải

BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY
(IBST)

GIẤY CHỨNG NHẬN

(Đào tạo Thí nghiệm Xây dựng)

CERTIFICATE
OF CONSTRUCTION TEST TRAINING COURSE

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CHẤT LƯỢNG TOÀN CẦU**



GLOBAL QUALITY GROUP

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE**

Số/ No.: 008/2024/GQG

Cấp cho
this is to certify that

NGUYỄN THỊ THU HÀ

đã hoàn thành khóa đào tạo
has finished training course

**NHẬN THỨC CHUNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM
THEO YÊU CẦU TIÊU CHUẨN TCVN ISO/IEC 17025:2017**

General requirements for the competence of testing and calibration laboratories
TCVN ISO/IEC 17025:2017

Khóa học/Course Date: 03/4/2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



Ngô Đoàn Trọng



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CHẤT LƯỢNG TOÀN CẦU
GLOBAL QUALITY GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ: Số 66, ngõ 12 phố Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Address: No. 66, Alley 12, Van Phu Street, Phu La Ward, Ha Dong District, Hanoi City
ĐT/Tel: 0929 613 222; Website: gqg.org.vn; Email: chatluongtoancaovn@gmail.com

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Số Chứng chỉ: QN1 - 00092491

(Ban hành theo Quyết định số 232/QĐ-SXD ngày 30/05/2025 của Sở Xây dựng)



Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Ngày tháng năm sinh: 30/4/1980

Số CG/CCCD/HC: 035180010913

Cấp ngày: 28/9/2021

Tại: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa chất thủy văn -

DCCCT

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	II	Từ 30/05/2025 đến 29/05/2035

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG CHÍNH

Ngày: 12-06-2025

Số chứng thực: 10619

Quyển số: 01 SGTBS

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Signature)
Lê Hữu Phúc



CÔNG CHỨNG VIỆN

Sở Xây Dựng
Quảng Ninh

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG



STT	Họ và tên người đăng ký	Ngày cấp	Đơn vị cấp
1	Nguyễn Văn A	15/10/2023	Phòng Quản lý Đô thị Quận 1
2	Trần Thị B	20/11/2023	Phòng Quản lý Đô thị Quận 2
3	Đỗ Văn C	05/12/2023	Phòng Quản lý Đô thị Quận 3
4	Nguyễn Thị D	10/01/2024	Phòng Quản lý Đô thị Quận 4
5	Phạm Văn E	15/02/2024	Phòng Quản lý Đô thị Quận 5
6	Trần Thị F	20/03/2024	Phòng Quản lý Đô thị Quận 6
7	Đỗ Văn G	25/04/2024	Phòng Quản lý Đô thị Quận 7
8	Nguyễn Thị H	30/05/2024	Phòng Quản lý Đô thị Quận 8
9	Phạm Văn I	05/06/2024	Phòng Quản lý Đô thị Quận 9
10	Trần Thị J	10/07/2024	Phòng Quản lý Đô thị Quận 10

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN



(Chức vụ của người được cấp)



Ngày: 29-01-2024

Số chứng thực: 0052/1

Số CMT (hoặc hộ chiếu): 035180010913
Ngày cấp: 28/09/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam
Số: 06.K85.23/QLPTN

TM. ỦY BAN PHƯƠNG HÀ TRUNG

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



PHỤ TRÁCH

Thời gian tổ chức: 17/11 ÷ 20/11/2023
Địa điểm: Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2023



(Handwritten signature)

Nguyễn Tuấn Kiệt

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Ms. **Nguyen Thi Thu Ha**

Has successfully passed Training Course on

**Field and Laboratory Testing Methods
Determining the Physico - Mechanical
Properties of Soil**

In November 2004

Ref. N^o. 551.3/2004/MKH-TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Bà **Nguyễn Thị Thu Hà**

Ngày sinh: 30/4/1980 - Quê quán: Hà Nam

Cơ quan: Cty CP Tư vấn QH & TK XD Quảng Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất
cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian tổ chức: Tháng 11 năm 2004

Viện Khoa Học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2004

Viện trưởng

VIỆN KHCN XÂY DỰNG

Số: 33.0.6 Quyển 46

VIỆN KHCN XÂY DỰNG

PGS, TS Cao Duy Tiên

CÔNG CHỨNG VIÊN

Phạm Thị Xuân Loan

HANOI UNIVERSITY
OF MINING AND GEOLOGY

CONSULTANCY, TECHNOLOGY DEVELOPMENT AND
CONSTRUCTION IN MINING AND GEOLOGY, Co. Ltd.



It is hereby certified that
Mr/Mrs. Nguyen Hong Thai
Has successfully passed the Training Course on

Laboratorial Testing Methods for
the Physical - Mechanical
Properties of Soils

Ref. N° TP & DCCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI
CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Chứng nhận: *Nguyễn Hồng Thái*

Ngày sinh: 06/01/1992

Quê quán: Hải Phòng

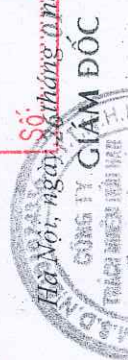
Địa chỉ: Công ty CP Tư vấn QHTKXD Quảng Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm:

Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
của đất trong phòng thí nghiệm

Thời gian tổ chức: Từ 11/01 năm 2019 đến 25/01 năm 2019
Tại: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2019. Số: 0248/Số: 01



Dinh Văn Mạnh

**NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát Địa chất công trình	III	Từ 17/5/2023 đến 17/5/2028

CHỨNG THỰC BẢN SƠ ĐỒ CÔNG VIỆC CHÍNH
Ngày: 31-05-2023
839701
Số chứng thực: Quyền số: SCTIBS
Quảng Ninh, ngày 17 tháng 5 năm 2023

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người
thực cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Nguyễn Hồng Thái**
Ngày tháng năm sinh: 06/01/1992
Số CMND/CCCD/hộ chiếu: 031092006494
Cấp ngày: 09/5/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học Mỏ - Địa chất
Hệ đào tạo: Vừa làm vừa học
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật địa chất

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Việt Hùng
CÔNG HOÀ X. H. C. N. VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH QUẢNG NINH
HA LONG . T. QUẢNG NINH
VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
HA LONG

839701
Số chứng thực: Quyền số: SCTIBS
Quảng Ninh, ngày 17 tháng 5 năm 2023

CÔNG CHỨNG VIÊN
Goa Tohi Hoàn

BẢN SAO

**TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI
ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ**

- Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
- Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
- Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**



Số: QNI-00166877

Ban hành kèm theo QĐ số 149/QĐ-SXD
ngày 17/5/2023 của Sở Xây dựng

THÔNG TIN CÁ NHÂN



*Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ*

Họ và tên: **Nguyễn Mạnh Hùng**

Ngày tháng năm sinh: 07/6/1977

Số CCCD/HC: 031077017441

Cấp ngày: 23/12/2021

Tại: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Cơ sở đào tạo: Đại học Khoa học tự nhiên

Hệ đào tạo: Chính quy

Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học ngành Địa chất

chất

CHỨNG CHỈ SỬ DỤNG VÀI BÀN CHỈ
Số Chứng chỉ: 06-01-2225-01
Số đăng ký: 163
Số đăng ký khoa học ngành Địa chất: SCTMS

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	II	Từ 10/12/2024 đến 10/12/2029

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2024

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Việt Dũng



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Thu Ngân

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI
ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

- Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
- Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
- Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: QNI-00084124

Ban hành kèm theo QĐ số 509/QĐ-SXD
ngày 10/12/2024 của Sở Xây dựng



Quảng Ninh, ngày 01 tháng 01 năm 2018

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Số: 63../2018/HĐLĐ

- Căn cứ Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật lao động;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh;

Hợp đồng lao động (HĐLĐ) này được ký ngày 01 tháng 01 năm 2018 tại Văn phòng Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh, địa chỉ: Km3 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, bởi và giữa các bên có đầy đủ tư cách giao kết hợp đồng lao động theo quy định, gồm:

BÊN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (Sau đây gọi tắt là Công ty).

- + Tên chính thức: Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh;
- + Người đại diện: Ông Trần Cao Khải - Chức vụ: Giám đốc;
- + Số đăng ký kinh doanh: 5700479203
- + Thông tin liên lạc: Điện thoại: 02033835736 ; Fax: 02033835610;
- + Địa chỉ: Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, TP Hạ Long;

NGƯỜI LAO ĐỘNG (Sau đây gọi tắt là NLĐ).

- + Họ và tên chính thức: Nguyễn Thị Thu Hà - Giới tính: Nữ
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất
- + Ngày, tháng, năm sinh: 30/4/1980
- + Địa chỉ thường trú: Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- + Số CMND hoặc thẻ căn cước: 145782153; Ngày cấp: 21/9/2012; Nơi cấp: CA Hưng Yên.

Tùy ngữ cảnh cụ thể, mỗi bên được gọi riêng là “Bên” và hai bên được gọi chung là “Các bên”.

Xét rằng:

* Công ty có nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

* NLĐ là cá nhân độc lập, tự thấy rằng có đầy đủ năng lực giao kết hợp đồng lao động và có thể đáp ứng yêu cầu công việc của Công ty;

Sau khi bàn bạc thống nhất, các bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

Điều 1. Công việc và địa điểm làm việc:

1.1. Công việc:

- Chức vụ: Chủ trì, chủ nhiệm khảo sát địa chất công trình.
- Công việc phải làm: Do ông Giám đốc xí nghiệp Khảo sát phân công

Công ty được quyền tạm thời chuyển NLĐ làm công việc khác so với HĐLĐ trong các trường hợp sau:

- a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh;
- b) Áp dụng biện pháp ngăn ngừa, khắc phục tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- c) Do nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Trường hợp NLĐ không chấp nhận thực hiện việc mới sau điều chuyển thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng trước thời hạn trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về lao động.

1.2. Địa điểm làm việc của người lao động:

Tại trụ sở của Công ty hoặc địa điểm khác theo tính chất đặc thù công việc. Trường hợp Công ty có thay đổi địa chỉ trụ sở chính thì NLĐ tiếp tục làm việc theo địa chỉ mới. Trường hợp đặc biệt theo quyết định của Giám đốc Công ty, Công ty có thể chỉ định NLĐ làm việc tại địa điểm khác địa chỉ nêu trên nhưng phải báo trước ít nhất 03 ngày để NLĐ kịp thời chuẩn bị.

Điều 2: Thời hạn của hợp đồng lao động:

- Loại hợp đồng lao động: Không thời hạn
- Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018

Điều 3: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi:

Trừ trường hợp đặc biệt theo Quyết định của Giám đốc công ty, thời giờ làm việc thời gian nghỉ ngơi được quy định như sau:

3.1. Thời giờ làm việc trong ngày:

- a) Thời điểm bắt đầu: 07 giờ 30 phút
- b) Thời điểm kết thúc: 17 giờ 00

3.2. Thời giờ làm việc trong tuần: Từ thứ hai đến thứ bảy hàng tuần.

3.3. Thời giờ làm thêm giờ: Theo quy định của công ty.

3.4. Thời gian nghỉ trong giờ làm việc: Làm việc liên tục hai giờ đồng hồ được nghỉ giải lao 10 phút. Nghỉ trưa từ 12 giờ 00 phút đến 01 giờ 30 phút hàng ngày làm việc.

3.5. Thời gian nghỉ hằng tuần: Trừ các ngày làm việc theo khoản 3.2 điều này.

3.6. Thời gian nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, tết: Theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động. Trường hợp ngày nghỉ, lễ kéo dài và trùng thứ bảy chủ nhật thì Giám đốc công ty quyết định nghỉ bù, làm bù nhưng vẫn đảm bảo công việc được sắp xếp ổn thỏa, hợp lý.

3.7. Thời gian nghỉ việc riêng: Theo quy định của Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành. Trừ trường hợp nghỉ ốm, lý do sức khỏe đặc biệt thì NLĐ phải có kế hoạch sắp xếp công việc đảm bảo không ảnh hưởng đến bộ phận, phòng ban khác và phải báo trước cho Trưởng phòng nhân sự/Giám đốc ít nhất 03 ngày.

3.8. Thời gian nghỉ không hưởng lương: Nghỉ việc không báo trước hoặc không có lý do rõ ràng, nghỉ quá số ngày phép năm.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động.

4.1. Quyền lợi:

4.1.1. Mức lương, phụ cấp lương và các khoản hỗ trợ:

- a) Mức lương + phụ cấp lương (thuộc diện phải đóng BHXH)

57004
CÓ PH
TUY H
QU
HA L

Lương tối thiểu của doanh nghiệp (đồng/tháng)	Bậc lương	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ	Tổng lương (đồng/tháng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3+4)x(1)
4.000.000	1	2,4	0,2	10.400.000

b) Các khoản hỗ trợ người lao động (không thuộc diện phải đóng BHXH).

+ Hỗ trợ phục vụ sản xuất:

- Điện thoại : 350.000 đồng/tháng;
- Xăng xe : 350.000 đồng/tháng;
- Bảo hộ lao động: 5.000.000 đồng/năm;

+ Hỗ trợ khác :

- Chi sinh nhật (tối đa): 4.500.000 đồng/năm

(i) Điều kiện được hưởng: Có thời gian làm việc liên tục từ 12 tháng trở lên và đơn vị lao động làm việc phải đạt >100% năng xuất lao động bình quân của công ty;

- Chi thăm quan nghỉ mát: Theo quy định nhà nước và quy chế Công ty.

(i) Điều kiện được hưởng:có thời gian làm việc liên tục từ 12 tháng trở lên đơn vị lao động làm việc phải đạt >100% năng xuất lao động bình quân của công ty;

+ Trợ cấp : Được hưởng theo quy chế của công ty.

d) Tiền lương làm thêm giờ: Được hưởng lương theo quy chế tiền lương của Công ty.

4.1.2. Hình thức trả lương: Bằng tiền mặt Việt Nam đồng.

4.1.3. Kỳ hạn trả lương:

- Kỳ hạn trả lương: Tiền lương được trả theo tháng, quý. Tiền lương được Công ty trả trực tiếp, đầy đủ và đúng thời hạn cho NLD căn cứ vào thời gian làm việc thực tế của NLD trong tháng/ quý. Trường hợp đặc biệt do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng thời hạn thì không được trả chậm quá 01 tháng.

4.1.4. Chế độ nâng lương:

- Điều kiện: Theo quy định của công ty.
- Thời gian: Theo quy định của công ty.
- Thời điểm: Theo quy định của công ty.
- Mức lương sau khi nâng: Theo quy định của công ty.

792
NG T
AN T
ACH T
Â Y D
IANG
WG -

4.1.5. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Được tham gia bảo hiểm theo quy định của Luật bảo hiểm về mức tham gia đóng và tỷ lệ đóng.

4.1.6. Trang bị bảo hộ lao động. Theo quy định của Công ty

4.1.7. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

Tại từng thời điểm khác nhau và theo Quyết định của Giám đốc công ty, Công ty đảm bảo thời gian, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho NLĐ trong quá trình làm việc và cống hiến tại Công ty.

4.2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động....

- Bảo mật thông tin: NLĐ cam kết rằng mọi thông tin nội bộ của Công ty gồm báo cáo hàng tuần, hàng tháng, danh sách khách hàng, nhà cung cấp, quản lý điều hành và các thông tin nội bộ khác là thông tin mật. NLĐ cam kết không được tiết lộ, mua bán, trao đổi, chia sẻ cho bên thứ ba dưới bất cứ hình thức nào. Trường hợp Công ty có chứng cứ cho rằng NLĐ tiết lộ thông tin ảnh hưởng đến kinh doanh, uy tín, thương hiệu của Công ty thì NLĐ phải bồi thường thiệt hại 100%.

Điều 5: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

5.1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động quy định tại mục 4.1.1 điều 4.

5.2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng lao động

Hợp đồng lao động này chấm dứt hiệu lực khi và chỉ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

6.1. Hết thời hạn ghi tại Điều 2 mà các bên không gia hạn;

6.2. NLĐ đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

Bị đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự hoặc cưỡng bức lao động; bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Phải nghỉ việc để chăm sóc vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố vợ, mẹ vợ hoặc bố chồng, mẹ chồng, con đẻ, con nuôi bị ốm đau, tai nạn;

Gia đình gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh hoặc chuyển chỗ ở mà người lao động đã tìm mọi biện pháp nhưng không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động.

6.3 Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

NLĐ thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

Lý do bất khả kháng khác thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Do dịch họa, dịch bệnh; (ii) Di dời hoặc thu hẹp địa điểm sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

03 - C
VĂN
HIỆT KẾ
NG
NINH
T. QUANG

Điều 7: Điều khoản thi hành

- Các điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này như trách nhiệm vật chất, bồi thường thiệt hại, kỷ luật lao động, giải quyết tranh chấp lao động và các vấn đề khác có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Bộ luật Lao động 2012, tại Nghị định 05/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trường hợp các bên tiến hành ký phụ lục hợp đồng thì phụ lục có giá trị thực hiện như hợp đồng. Trường hợp, phụ lục hợp đồng có điều khoản xung đột với hợp đồng này thì áp dụng điều khoản có lợi hơn cho NLD.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại: Công ty CP tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh./.

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguyễn Thị Thu Hà

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

GIÁM ĐỐC

Trần Cao Khải

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 01 năm 2018

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Số: 62../2018/HĐLĐ

- Căn cứ Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật lao động;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh;

Hợp đồng lao động (HĐLĐ) này được ký ngày 01 tháng 01 năm 2018 tại Văn phòng Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh, địa chỉ: Km3 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, bởi và giữa các bên có đầy đủ tư cách giao kết hợp đồng lao động theo quy định, gồm:

BÊN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (Sau đây gọi tắt là Công ty).

- + Tên chính thức: Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh;
- + Người đại diện: Ông Trần Cao Khải - Chức vụ: Giám đốc;
- + Số đăng ký kinh doanh: 5700479203
- + Thông tin liên lạc: Điện thoại: 02033835736 ; Fax: 02033835610;
- + Địa chỉ: Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, TP Hạ Long;

NGƯỜI LAO ĐỘNG (Sau đây gọi tắt là NLĐ).

- + Họ và tên chính thức: Nguyễn Mạnh Hùng - Giới tính: Nam
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất
- + Ngày, tháng, năm sinh: 7/6/1977
- + Địa chỉ thường trú: Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- + Số CMND hoặc thẻ căn cước: 031016689; Ngày cấp: 25/7/2008; Nơi cấp: CA Hải Phòng.

Tùy ngữ cảnh cụ thể, mỗi bên được gọi riêng là “Bên” và hai bên được gọi chung là “Các bên”.

Xét rằng:

* Công ty có nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

* NLĐ là cá nhân độc lập, tự thấy rằng có đầy đủ năng lực giao kết hợp đồng lao động và có thể đáp ứng yêu cầu công việc của Công ty;

Sau khi bàn bạc thống nhất, các bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

Điều 1. Công việc và địa điểm làm việc:

1.1. Công việc:

Xg

- Chức vụ: Giám đốc xí nghiệp Khảo sát.

- Công việc phải làm: Do ông Giám đốc Công ty phân công

Công ty được quyền tạm thời chuyển NLĐ làm công việc khác so với HĐLĐ trong các trường hợp sau:

a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh;

b) Áp dụng biện pháp ngăn ngừa, khắc phục tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

c) Do nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Trường hợp NLĐ không chấp nhận thực hiện việc mới sau điều chuyển thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng trước thời hạn trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về lao động.

1.2. Địa điểm làm việc của người lao động:

Tại trụ sở của Công ty hoặc địa điểm khác theo tính chất đặc thù công việc. Trường hợp Công ty có thay đổi địa chỉ trụ sở chính thì NLĐ tiếp tục làm việc theo địa chỉ mới. Trường hợp đặc biệt theo quyết định của Giám đốc Công ty, Công ty có thể chỉ định NLĐ làm việc tại địa điểm khác địa chỉ nêu trên nhưng phải báo trước ít nhất 03 ngày để NLĐ kịp thời chuẩn bị.

Điều 2: Thời hạn của hợp đồng lao động:

- Loại hợp đồng lao động: Không thời hạn

- Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018

Điều 3: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi:

Trừ trường hợp đặc biệt theo Quyết định của Giám đốc công ty, thời giờ làm việc thời gian nghỉ ngơi được quy định như sau:

3.1. Thời giờ làm việc trong ngày:

a) Thời điểm bắt đầu: 07 giờ 30 phút

b) Thời điểm kết thúc: 17 giờ 00

3.2. Thời giờ làm việc trong tuần: Từ thứ hai đến thứ bảy hàng tuần.

3.3. Thời giờ làm thêm giờ: Theo quy định của công ty.

3.4. Thời gian nghỉ trong giờ làm việc: Làm việc liên tục hai giờ đồng hồ được nghỉ giải lao 10 phút. Nghỉ trưa từ 12 giờ 00 phút đến 01 giờ 30 phút hàng ngày làm việc.

3.5. Thời gian nghỉ hằng tuần: Trừ các ngày làm việc theo khoản 3.2 điều này.

3.6. Thời gian nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, tết: Theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động. Trường hợp ngày nghỉ, lễ kéo dài và trùng thứ bảy chủ nhật thì Giám đốc công ty quyết định nghỉ bù, làm bù nhưng vẫn đảm bảo công việc được sắp xếp ổn thỏa, hợp lý.

3.7. Thời gian nghỉ việc riêng: Theo quy định của Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành. Trừ trường hợp nghỉ ốm, lý do sức khỏe đặc biệt thì NLĐ phải có kế hoạch sắp xếp công việc đảm bảo không ảnh hưởng đến bộ phận, phòng ban khác và phải báo trước cho Trưởng phòng nhân sự/Giám đốc ít nhất 03 ngày.

3.8. Thời gian nghỉ không hưởng lương: Nghỉ việc không báo trước hoặc không có lý do rõ ràng, nghỉ quá số ngày phép năm.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động.

4.1. Quyền lợi:

4.1.1. Mức lương, phụ cấp lương và các khoản hỗ trợ:

a) Mức lương + phụ cấp lương (thuộc diện phải đóng BHXH)

04/...
ÔNG
HÀN T
DẠCH
XÂY D
ÔNG
T.

Lương tối thiểu của doanh nghiệp (đồng/tháng)	Bậc lương	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ	Tổng lương (đồng/tháng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3+4)x(1)
4.000.000	2	2,6	0,4	12.000.000

b) Các khoản hỗ trợ người lao động (không thuộc diện phải đóng BHXH).

+ Hỗ trợ phục vụ sản xuất:

- Điện thoại : 350.000 đồng/tháng;
- Xăng xe : 350.000 đồng/tháng;
- Bảo hộ lao động: 5.000.000 đồng/năm;

+ Hỗ trợ khác :

- Chi sinh nhật (tối đa): 4.500.000 đồng/năm

(i) Điều kiện được hưởng: Có thời gian làm việc liên tục từ 12 tháng trở lên và đơn vị lao động làm việc phải đạt >100% năng xuất lao động bình quân của công ty;

- Chi thăm quan nghỉ mát: Theo quy định nhà nước và quy chế Công ty.

(i) Điều kiện được hưởng:có thời gian làm việc liên tục từ 12 tháng trở lên đơn vị lao động làm việc phải đạt >100% năng xuất lao động bình quân của công ty;

+ Trợ cấp : Được hưởng theo quy chế của công ty.

d) Tiền lương làm thêm giờ: Được hưởng lương theo quy chế tiền lương của Công ty.

4.1.2. Hình thức trả lương: Bằng tiền mặt Việt Nam đồng.

4.1.3. Kỳ hạn trả lương:

- Kỳ hạn trả lương: Tiền lương được trả theo tháng, quý. Tiền lương được Công ty trả trực tiếp, đầy đủ và đúng thời hạn cho NLD căn cứ vào thời gian làm việc thực tế của NLD trong tháng/ quý. Trường hợp đặc biệt do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng thời hạn thì không được trả chậm quá 01 tháng.

4.1.4. Chế độ nâng lương:

- Điều kiện: Theo quy định của công ty.
- Thời gian: Theo quy định của công ty.
- Thời điểm: Theo quy định của công ty.
- Mức lương sau khi nâng: Theo quy định của công ty.

4.1.5. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Được tham gia bảo hiểm theo quy định của Luật bảo hiểm về mức tham gia đóng và tỷ lệ đóng.

4.1.6. Trang bị bảo hộ lao động. Theo quy định của Công ty

4.1.7. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

Tại từng thời điểm khác nhau và theo Quyết định của Giám đốc công ty, Công ty đảm bảo thời gian, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho NLD trong quá trình làm việc và cống hiến tại Công ty.

4.2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động....

- Bảo mật thông tin: NLD cam kết rằng mọi thông tin nội bộ của Công ty gồm báo cáo hàng tuần, hàng tháng, danh sách khách hàng, nhà cung cấp, quản lý điều hành và các thông tin nội bộ khác là thông tin mật. NLD cam kết không được tiết lộ, mua bán, trao đổi, chia sẻ cho bên thứ ba dưới bất cứ hình thức nào. Trường hợp Công ty có chứng cứ cho rằng NLD tiết lộ thông tin ảnh hưởng đến kinh doanh, uy tín, thương hiệu của Công ty thì NLD phải bồi thường thiệt hại 100%.

Điều 5: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

5.1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động quy định tại mục 4.1.1 điều 4.

5.2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng lao động

Hợp đồng lao động này chấm dứt hiệu lực khi và chỉ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

6.1. Hết thời hạn ghi tại Điều 2 mà các bên không gia hạn;

6.2. NLD đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

Bị đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự hoặc cưỡng bức lao động; bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Phải nghỉ việc để chăm sóc vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố vợ, mẹ vợ hoặc bố chồng, mẹ chồng, con đẻ, con nuôi bị ốm đau, tai nạn;

Gia đình gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh hoặc chuyển chỗ ở mà người lao động đã tìm mọi biện pháp nhưng không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động.

6.3 Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

NLD thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

Lý do bất khả kháng khác thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Do dịch họa, dịch bệnh; (ii) Di dời hoặc thu hẹp địa điểm sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

920
TY
AN
HOA
DU
THINH
2 JAN

Điều 7: Điều khoản thi hành

- Các điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này như trách nhiệm vật chất, bồi thường thiệt hại, kỷ luật lao động, giải quyết tranh chấp lao động và các vấn đề khác có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Bộ luật Lao động 2012, tại Nghị định 05/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trường hợp các bên tiến hành ký phụ lục hợp đồng thì phụ lục có giá trị thực hiện như hợp đồng. Trường hợp, phụ lục hợp đồng có điều khoản xung đột với hợp đồng này thì áp dụng điều khoản có lợi hơn cho NLD.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại: Công ty CP tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh./.

CHỨNG THỰC BAN SAO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 19-03-2021
Số:..... Quyền Số:.....

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguyễn Mạnh Hùng

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

GIÁM ĐỐC



Trần Cao Khải



Quảng Ninh, ngày 01 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Số: 69/2024/HĐLĐ

- Căn cứ Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật lao động;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh;

Hợp đồng lao động (HĐLĐ) này được ký ngày 01 tháng 01 năm 2024 tại Văn phòng Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh, địa chỉ: Km3 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, bởi và giữa các bên có đầy đủ tư cách giao kết hợp đồng lao động theo quy định, gồm:

BÊN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (Sau đây gọi tắt là Công ty).

- + Tên chính thức: Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh;
- + Người đại diện: Ông Vũ Thế Anh - Chức vụ: Giám đốc;
- + Số đăng ký kinh doanh: 5700479203
- + Thông tin liên lạc: Điện thoại: 02033835736
- + Địa chỉ: Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;

NGƯỜI LAO ĐỘNG (Sau đây gọi tắt là NLĐ).

- + Họ và tên chính thức: **Bùi Thị Hồng Phương** - Giới tính: Nữ
 - + Trình độ chuyên môn: Cao đẳng trắc địa
 - + Ngày, tháng, năm sinh: 01-09-1984
 - + Địa chỉ thường trú: Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
 - + Số CMND/CCCD: 031184009516; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh Sát
- Tùy ngữ cảnh cụ thể, mỗi bên được gọi riêng là “Bên” và hai bên được gọi chung là “Các bên”.

Xét rằng:

* Công ty có nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

* NLĐ là cá nhân độc lập, tự thấy rằng có đầy đủ năng lực giao kết hợp đồng lao động và có thể đáp ứng yêu cầu công việc của Công ty;

Sau khi bàn bạc thống nhất, các bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:



Điều 1. Công việc và địa điểm làm việc:

1.1. Công việc:

- Chức vụ: Kỹ thuật trắc địa.
- Công việc phải làm: Do ông Giám đốc Xí nghiệp khảo sát phân công.

Công ty được quyền tạm thời chuyển NLĐ làm công việc khác so với HĐLĐ trong các trường hợp sau:

- a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh;
- b) Áp dụng biện pháp ngăn ngừa, khắc phục tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- c) Do nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Trường hợp NLĐ không chấp nhận thực hiện việc mới sau điều chuyển thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng trước thời hạn trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về lao động.

1.2. Địa điểm làm việc của người lao động:

Tại trụ sở của Công ty hoặc địa điểm khác theo tính chất đặc thù công việc. Trường hợp Công ty có thay đổi địa chỉ trụ sở chính thì NLĐ tiếp tục làm việc theo địa chỉ mới. Trường hợp đặc biệt theo quyết định của Giám đốc Công ty, Công ty có thể chỉ định NLĐ làm việc tại địa điểm khác địa chỉ nêu trên nhưng phải báo trước ít nhất 03 ngày để NLĐ kịp thời chuẩn bị.

Điều 2: Thời hạn của hợp đồng lao động:

- Loại hợp đồng lao động: Không thời hạn

Điều 3: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi:

Trừ trường hợp đặc biệt theo Quyết định của Giám đốc công ty, thời giờ làm việc thời gian nghỉ ngơi được quy định như sau:

3.1. Thời giờ làm việc trong ngày:

- a) Thời điểm bắt đầu: 07 giờ 30 phút
- b) Thời điểm kết thúc: 17 giờ 00

3.2. Thời giờ làm việc trong tuần: Từ thứ hai đến thứ đến hết sáng thứ bảy hàng tuần.

3.3. Thời giờ làm thêm giờ: Theo quy định của công ty.

3.4. Thời gian nghỉ trong giờ làm việc: Làm việc liên tục hai giờ đồng hồ được nghỉ giải lao 10 phút. Nghỉ trưa từ 12 giờ 00 phút đến 01 giờ 30 phút hàng ngày làm việc.

3.5. Thời gian nghỉ hằng tuần: Trừ các ngày làm việc theo khoản 3.2 điều này.

3.6. Thời gian nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, tết: Theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động. Trường hợp ngày nghỉ, lễ kéo dài và trùng thứ bảy chủ nhật thì Giám đốc công ty quyết định nghỉ bù, làm bù nhưng vẫn đảm bảo công việc được sắp xếp ổn thỏa, hợp lý.

3.7. Thời gian nghỉ việc riêng: Theo quy định của Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành. Trừ trường hợp nghỉ ốm, lý do sức khỏe đặc biệt thì NLĐ phải có kế hoạch sắp xếp công việc đảm bảo không ảnh hưởng đến bộ phận, phòng ban khác và phải báo trước cho Trưởng phòng nhân sự/Giám đốc ít nhất 03 ngày.

3.8. Thời gian nghỉ không hưởng lương: Nghỉ việc không báo trước hoặc không có lý do rõ ràng, nghỉ quá số ngày phép năm.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động.

4.1. Quyền lợi:

4.1.1. Mức lương, phụ cấp lương và các khoản hỗ trợ:

a) Mức lương + phụ cấp lương (thuộc diện phải đóng BHXH): 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm ngàn đồng)

b) Các khoản hỗ trợ người lao động (không thuộc diện phải đóng BHXH).

+ Hỗ trợ phục vụ sản xuất:

- Điện thoại : 300.000 đồng/tháng;

- Xăng xe : 500.000 đồng/tháng;

- Bảo hộ lao động: 5.000.000 đồng/năm;

+ Hỗ trợ khác :

- Chi sinh nhật (tối đa): 4.500.000 đồng/năm

(i) Điều kiện được hưởng: Có thời gian làm việc liên tục từ 12 tháng trở lên và đơn vị lao động làm việc phải đạt >100% năng suất lao động bình quân của công ty;

(ii) Mức hưởng chi tiết:

* Đơn vị có người lao động làm việc chỉ đạt từ 100%-110% năng suất lao động bình quân của Công ty thì mức hưởng khoản hỗ trợ này là : 3.000.000 đồng/năm;

* Đơn vị có người lao động làm việc đạt >110% năng suất lao động bình quân của Công ty thì mức hưởng khoản hỗ trợ này là : 4.500.000 đồng/năm;

- Chi thăm quan nghỉ mát: Tối đa 3.500.000 đồng/năm.

(i) Điều kiện được hưởng: có thời gian làm việc liên tục từ 12 tháng trở lên đơn vị lao động làm việc phải đạt >100% năng suất lao động bình quân của công ty;

(ii) Mức hưởng chi tiết:

* Đơn vị có người lao động làm việc chỉ đạt từ 100%-110% năng suất lao động bình quân của Công ty thì mức hưởng khoản hỗ trợ này là : 2.000.000 đồng/năm;

* Đơn vị có người lao động làm việc chỉ đạt >110% năng suất lao động bình quân của Công ty thì mức hưởng khoản hỗ trợ này là : 3.500.000 đồng/năm;

+ Trợ cấp : Được hưởng theo qui chế tài chính của công ty.

d) Tiền lương làm thêm giờ: Được hưởng lương theo quy chế tiền lương của Công ty.

4.1.2. Hình thức trả lương: Bằng tiền mặt Việt Nam đồng.

4.1.3. Kỳ hạn trả lương:

- Kỳ hạn trả lương: Tiền lương được trả tháng một lần. Tiền lương được Công ty trả trực tiếp, đầy đủ và đúng thời hạn cho NLĐ căn cứ vào thời gian làm việc thực tế của NLĐ trong tháng đó. Trường hợp đặc biệt do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng thời hạn thì không được trả chậm quá 01 tháng.

- Thời điểm trả lương: Ngày mùng một (01) hàng tháng. Trường hợp thời điểm trả lương trùng ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định thì được trả vào ngày làm việc tiếp theo.

4.1.4. Chế độ nâng lương:

- Điều kiện: Theo quy định của công ty.



- Thời gian: Theo quy định của công ty.
- Thời điểm: Theo quy định của công ty.
- Mức lương sau khi nâng: Theo quy định của công ty.

4.1.5. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Được tham gia bảo hiểm theo quy định của Luật bảo hiểm về mức tham gia đóng và tỷ lệ đóng.

4.1.6. Trang bị bảo hộ lao động. Theo quy định của Công ty

4.1.7. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

Tại từng thời điểm khác nhau và theo Quyết định của Giám đốc công ty, Công ty đảm bảo thời gian, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho NLĐ trong quá trình làm việc và cống hiến tại Công ty.

4.2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động....
- Bảo mật thông tin: NLĐ cam kết rằng mọi thông tin nội bộ của Công ty gồm báo cáo hàng tuần, hàng tháng, danh sách khách hàng, nhà cung cấp, quản lý điều hành và các thông tin nội bộ khác là thông tin mật. NLĐ cam kết không được tiết lộ, mua bán, trao đổi, chia sẻ cho bên thứ ba dưới bất cứ hình thức nào. Trường hợp Công ty có chứng cứ cho rằng NLĐ tiết lộ thông tin ảnh hưởng đến kinh doanh, uy tín, thương hiệu của Công ty thì NLĐ phải bồi thường thiệt hại 100%.

Điều 5: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

5.1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động quy định tại mục 4.1.1 điều 4.

5.2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng lao

Hợp đồng lao động này chấm dứt hiệu lực khi và chỉ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

6.1. Hết thời hạn ghi tại Điều 2 mà các bên không gia hạn;

6.2. NLĐ đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

Bị đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự hoặc cưỡng bức lao động; bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Phải nghỉ việc để chăm sóc vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố vợ, mẹ vợ hoặc bố chồng, mẹ chồng, con đẻ, con nuôi bị ốm đau, tai nạn;

Gia đình gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh hoặc chuyển chỗ ở mà người lao động đã tìm mọi biện pháp nhưng không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động.

6.3 Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

NLĐ thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

Lý do bất khả kháng khác thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Do dịch họa, dịch bệnh; (ii) Di dời hoặc thu hẹp địa điểm sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7: Điều khoản thi hành

- Các điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này như trách nhiệm vật chất, bồi thường thiệt hại, kỷ luật lao động, giải quyết tranh chấp lao động và các vấn đề khác có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Bộ luật Lao động 2012, tại Nghị định 05/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trường hợp các bên tiến hành ký phụ lục hợp đồng thì phụ lục có giá trị thực hiện như hợp đồng. Trường hợp, phụ lục hợp đồng có điều khoản xung đột với hợp đồng này thì áp dụng điều khoản có lợi hơn cho NLĐ.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại: Công ty CP tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bùi Thị Hồng Phương

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Vũ Thế Anh



Quảng Ninh, ngày 01 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Số: 70/2024/HĐLĐ

- Căn cứ Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật lao động;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh;

Hợp đồng lao động (HĐLĐ) này được ký ngày 01 tháng 01 năm 2024 tại Văn phòng Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh, địa chỉ: Km3 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, bởi và giữa các bên có đầy đủ tư cách giao kết hợp đồng lao động theo quy định, gồm:

BÊN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (Sau đây gọi tắt là Công ty).

- + Tên chính thức: Công ty CP Tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh;
- + Người đại diện: Ông **Vũ Thế Anh** - Chức vụ: **Giám đốc**;
- + Số đăng ký kinh doanh: 5700479203
- + Thông tin liên lạc: Điện thoại: 02033835736
- + Địa chỉ: Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;

NGƯỜI LAO ĐỘNG (Sau đây gọi tắt là NLĐ).

- + Họ và tên chính thức: **Nguyễn Hồng Thái** - Giới tính: Nam
 - + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư mỏ
 - + Ngày, tháng, năm sinh: 06-01-1992
 - + Địa chỉ thường trú: Xã Tiên Thắng, Tiên Lãng, Hải Phòng;
 - + Số CMND/CCCD: 031092006494; Ngày cấp: 09/05/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh Sát
- Tùy ngữ cảnh cụ thể, mỗi bên được gọi riêng là “Bên” và hai bên được gọi chung là “Các bên”.

Xét rằng:

* Công ty có nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

* NLĐ là cá nhân độc lập, tự thấy rằng có đầy đủ năng lực giao kết hợp đồng lao động và có thể đáp ứng yêu cầu công việc của Công ty;

Sau khi bàn bạc thống nhất, các bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

Điều 1. Công việc và địa điểm làm việc:

1.1. Công việc:

- Chức vụ: Chủ trì khảo sát địa chất và tham gia khai thác công việc.
- Công việc phải làm: Do ông Giám đốc Xí nghiệp khảo sát phân công.

Công ty được quyền tạm thời chuyển NLĐ làm công việc khác so với HĐLĐ trong các trường hợp sau:

- a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh;
- b) Áp dụng biện pháp ngăn ngừa, khắc phục tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- c) Do nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Trường hợp NLĐ không chấp nhận thực hiện việc mới sau điều chuyển thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng trước thời hạn trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về lao động.

1.2. Địa điểm làm việc của người lao động:

Tại trụ sở của Công ty hoặc địa điểm khác theo tính chất đặc thù công việc. Trường hợp Công ty có thay đổi địa chỉ trụ sở chính thì NLĐ tiếp tục làm việc theo địa chỉ mới. Trường hợp đặc biệt theo quyết định của Giám đốc Công ty, Công ty có thể chỉ định NLĐ làm việc tại địa điểm khác địa chỉ nêu trên nhưng phải báo trước ít nhất 03 ngày để NLĐ kịp thời chuẩn bị.

Điều 2: Thời hạn của hợp đồng lao động:

- Loại hợp đồng lao động: Không thời hạn

Điều 3: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi:

Trừ trường hợp đặc biệt theo Quyết định của Giám đốc công ty, thời giờ làm việc thời gian nghỉ ngơi được quy định như sau:

3.1. Thời giờ làm việc trong ngày:

- a) Thời điểm bắt đầu: 07 giờ 30 phút
- b) Thời điểm kết thúc: 17 giờ 00

3.2. Thời giờ làm việc trong tuần: Từ thứ hai đến thứ đến hết sáng thứ bảy hàng tuần.

3.3. Thời giờ làm thêm giờ: Theo quy định của công ty.

3.4. Thời gian nghỉ trong giờ làm việc: Làm việc liên tục hai giờ đồng hồ được nghỉ giải lao 10 phút. Nghỉ trưa từ 12 giờ 00 phút đến 01 giờ 30 phút hàng ngày làm việc.

3.5. Thời gian nghỉ hằng tuần: Trừ các ngày làm việc theo khoản 3.2 điều này.

3.6. Thời gian nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, tết: Theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động. Trường hợp ngày nghỉ, lễ kéo dài và trùng thứ bảy chủ nhật thì Giám đốc công ty quyết định nghỉ bù, làm bù nhưng vẫn đảm bảo công việc được sắp xếp ổn thỏa, hợp lý.

3.7. Thời gian nghỉ việc riêng: Theo quy định của Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành. Trừ trường hợp nghỉ ốm, lý do sức khỏe đặc biệt thì NLĐ phải có kế hoạch sắp xếp công việc đảm bảo không ảnh hưởng đến bộ phận, phòng ban khác và phải báo trước cho Trưởng phòng nhân sự/Giám đốc ít nhất 03 ngày.

3.8. Thời gian nghỉ không hưởng lương: Nghỉ việc không báo trước hoặc không có lý do rõ ràng, nghỉ quá số ngày phép năm.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động.

4.1. Quyền lợi:

4.1.1. Mức lương, phụ cấp lương và các khoản hỗ trợ:

a) Mức lương + phụ cấp lương (thuộc diện phải đóng BHXH): 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm ngàn đồng)

b) Các khoản hỗ trợ người lao động (không thuộc diện phải đóng BHXH).

+ Hỗ trợ phục vụ sản xuất:

- Điện thoại : 300.000 đồng/tháng;

- Xăng xe : 500.000 đồng/tháng;

- Bảo hộ lao động: 5.000.000 đồng/năm;

+ Hỗ trợ khác :

- Chi sinh nhật (tối đa): 4.500.000 đồng/năm

(i) Điều kiện được hưởng: Có thời gian làm việc liên tục từ 12 tháng trở lên và đơn vị lao động làm việc phải đạt >100% năng suất lao động bình quân của công ty;

(ii) Mức hưởng chi tiết:

* Đơn vị có người lao động làm việc chỉ đạt từ 100%-110% năng suất lao động bình quân của Công ty thì mức hưởng khoản hỗ trợ này là : 3.000.000 đồng/năm;

* Đơn vị có người lao động làm việc đạt >110% năng suất lao động bình quân của Công ty thì mức hưởng khoản hỗ trợ này là : 4.500.000 đồng/năm;

- Chi thăm quan nghỉ mát: Tối đa 3.500.000 đồng/năm.

(i) Điều kiện được hưởng: có thời gian làm việc liên tục từ 12 tháng trở lên đơn vị lao động làm việc phải đạt >100% năng suất lao động bình quân của công ty;

(ii) Mức hưởng chi tiết:

* Đơn vị có người lao động làm việc chỉ đạt từ 100%-110% năng suất lao động bình quân của Công ty thì mức hưởng khoản hỗ trợ này là : 2.000.000 đồng/năm;

* Đơn vị có người lao động làm việc chỉ đạt >110% năng suất lao động bình quân của Công ty thì mức hưởng khoản hỗ trợ này là : 3.500.000 đồng/năm;

+ Trợ cấp : Được hưởng theo qui chế tài chính của công ty.

d) Tiền lương làm thêm giờ: Được hưởng lương theo quy chế tiền lương của Công ty.

4.1.2. Hình thức trả lương: Bằng tiền mặt Việt Nam đồng.

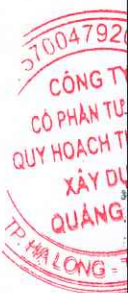
4.1.3. Kỳ hạn trả lương:

- Kỳ hạn trả lương: Tiền lương được trả tháng một lần. Tiền lương được Công ty trả trực tiếp, đầy đủ và đúng thời hạn cho NLĐ căn cứ vào thời gian làm việc thực tế của NLĐ trong tháng đó. Trường hợp đặc biệt do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng thời hạn thì không được trả chậm quá 01 tháng.

- Thời điểm trả lương: Ngày mùng một (01) hàng tháng. Trường hợp thời điểm trả lương trùng ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định thì được trả vào ngày làm việc tiếp theo.

4.1.4. Chế độ nâng lương:

- Điều kiện: Theo quy định của công ty.



- Thời gian: Theo quy định của công ty.
- Thời điểm: Theo quy định của công ty.
- Mức lương sau khi nâng: Theo quy định của công ty.

4.1.5. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Được tham gia bảo hiểm theo quy định của Luật bảo hiểm về mức tham gia đóng và tỷ lệ đóng.

4.1.6. Trang bị bảo hộ lao động. Theo quy định của Công ty

4.1.7. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

Tại từng thời điểm khác nhau và theo Quyết định của Giám đốc công ty, Công ty đảm bảo thời gian, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho NLD trong quá trình làm việc và cống hiến tại Công ty.

4.2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động....

- Bảo mật thông tin: NLD cam kết rằng mọi thông tin nội bộ của Công ty gồm báo cáo hàng tuần, hàng tháng, danh sách khách hàng, nhà cung cấp, quản lý điều hành và các thông tin nội bộ khác là thông tin mật. NLD cam kết không được tiết lộ, mua bán, trao đổi, chia sẻ cho bên thứ ba dưới bất cứ hình thức nào. Trường hợp Công ty có chứng cứ cho rằng NLD tiết lộ thông tin ảnh hưởng đến kinh doanh, uy tín, thương hiệu của Công ty thì NLD phải bồi thường thiệt hại 100%.

Điều 5: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

5.1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động quy định tại mục 4.1.1 điều 4.

5.2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng lao

Hợp đồng lao động này chấm dứt hiệu lực khi và chỉ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

6.1. Hết thời hạn ghi tại Điều 2 mà các bên không gia hạn;

6.2. NLD đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

Bị đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự hoặc cưỡng bức lao động; bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Phải nghỉ việc để chăm sóc vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố vợ, mẹ vợ hoặc bố chồng, mẹ chồng, con đẻ, con nuôi bị ốm đau, tai nạn;

Gia đình gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh hoặc chuyển chỗ ở mà người lao động đã tìm mọi biện pháp nhưng không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động.

6.3 Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

NLĐ thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

Lý do bất khả kháng khác thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Do dịch họa, dịch bệnh; (ii) Di dời hoặc thu hẹp địa điểm sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7: Điều khoản thi hành

- Các điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này như trách nhiệm vật chất, bồi thường thiệt hại, kỷ luật lao động, giải quyết tranh chấp lao động và các vấn đề khác có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Bộ luật Lao động 2012, tại Nghị định 05/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trường hợp các bên tiến hành ký phụ lục hợp đồng thì phụ lục có giá trị thực hiện như hợp đồng. Trường hợp, phụ lục hợp đồng có điều khoản xung đột với hợp đồng này thì áp dụng điều khoản có lợi hơn cho NLĐ.

- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại: Công ty CP tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh./.



NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguyễn Hồng Thái

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Vũ Thế Anh

PHẦN III: HỒ SƠ QUẢN LÝ PTN THEO ISO 17025

QUYẾT ĐỊNH

(V/v thành lập Ban chỉ đạo xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 17025:2017)

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CPTV QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ vào điều lệ công ty CPTV quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh.
- Xét đề xuất của phòng Kế toán - hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay thành lập Ban ISO trong việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 17025:2017 của Công ty gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông: Vũ Thế Anh Giám đốc công ty - Trưởng ban chất lượng
2. Bà: Nguyễn Thị Thu Hà Trưởng phòng thí nghiệm - Phó ban
3. Bà: Bùi Thị Hồng Phương Thí nghiệm viên - Nhân viên

Điều 2. Ban ISO có quyền hạn và chức năng sau:

- Triển khai phổ biến kiến thức TCVN ISO/IEC 17025:2017 cho mọi nhân viên của bộ phận, đảm bảo mọi người hiểu và thực hiện theo.
- Phát hiện các vấn đề không phù hợp trong quá trình thực hiện các thủ tục hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 phục vụ cho việc hiệu chỉnh và hoàn thiện hệ thống chất lượng trong Công ty.
- Ban ISO có trách nhiệm báo cáo thường xuyên cho Giám đốc về việc áp dụng và duy trì hệ thống ISO trong công ty.
- Đôn đốc việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017 theo tiến độ kế hoạch.

Điều 3. Trưởng ban chất lượng có quyền hạn và các chức năng sau:

- Đại diện cho Công ty giải quyết các vấn đề liên quan đến mọi việc xây dựng, duy trì cải tiến hệ thống chất lượng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017.
- Phối hợp với các phòng ban để triển khai thực hiện các công việc có liên quan đến kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017, phối hợp và điều hành ISO để hoàn thành dự án.
- Điều hành ban ISO soạn thảo đề viết và biên tập hệ thống văn bản chất lượng.
- Báo cáo việc thực hiện hệ thống chất lượng đến Ban giám đốc xem xét làm cơ sở cải tiến hệ thống chất lượng này.

Điều 4. Thực hiện

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.
- Các CBNV có tên trong danh sách tại điều 1 và CBNV liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Các đơn vị trực thuộc công ty;
- Lưu văn phòng công ty.

**CÔNG TY CPTV QUY HOẠCH
THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH
THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH**
Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã Qui trình: STCL

	Họ và tên	Chức danh	Chữ ký
Soạn thảo	Bùi Thị Hồng Phương	Phòng TN	
Kiểm tra	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng phòng TN	
Phê duyệt	Vũ Thế Anh	Giám Đốc	 
Lần ban hành: 01		Ngày ban hành: 08/04/2026	

NĂM 2026

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 2/21

MỤC LỤC

Chương 1: Giới thiệu Sổ tay chất lượng.....	5
1.1 Mục đích	5
1.2 Phạm vi áp dụng.....	5
1.3 Tài liệu tham khảo.....	5
1.4 Định nghĩa thuật ngữ và chữ viết tắt.....	5
Chương 2: Cơ cấu tổ chức	7
2.1 Tư cách pháp nhân	7
2.2 Sơ đồ cơ cấu tổ chức	8
2.3 Trách nhiệm và quyền hạn.....	9
Chương 3: Hệ thống quản lý chất lượng	10
3.1 Hệ thống chất lượng.....	10
3.2 Cấu trúc hệ thống tài liệu	11
Chương 4: Các yêu cầu về quản lý	12
4.1 Tổ chức	12
4.2 Hệ thống chất lượng.....	12
4.3 Kiểm soát tài liệu	12
4.4 Xem xét yêu cầu, đề nghị và hợp đồng.....	12
4.5 Mua dịch vụ và đồ cung cấp	12
4.6 Dịch vụ đối với khách hàng	13
4.7 Kiểm soát công việc không phù hợp.....	14
4.10 Cải tiến	15
4.11 Hành động khắc phục.....	15
4.12 Hành động phòng ngừa.	15
4.13 Kiểm soát hồ sơ.....	16
4.14 Đánh giá chất lượng nội bộ.....	16
4.15 Xem xét của lãnh đạo.....	17
Chương 5: Các yêu cầu về kỹ thuật	18

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 3/21

5.1 Yêu cầu chung.....	18
5.2 Nhân sự	19
5.3 Tiện nghi và môi trường	19
5.4 Phương pháp thử và phê duyệt phương pháp	20
5.5 Thiết bị.....	20
5.6 Liên kết chuẩn đo lường	21
5.7 Lấy mẫu.....	21
5.8 Quản lý mẫu	21
5.9 Đảm bảo chất lượng kết quả thử nghiệm.....	21
5.10 Báo cáo kết quả.....	21

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 5/21

Chương 1

GIỚI THIỆU SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

1.1 MỤC ĐÍCH

- **Sổ tay chất lượng:** là tài liệu cao nhất của hệ thống quản lý chất lượng của **Phòng thí nghiệm Công ty CPTV Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng ninh** trong lĩnh vực thí nghiệm vật liệu xây dựng, kết cấu xây dựng và kiểm định chất lượng các công trình xây dựng. Nó mô tả các hoạt động quản lý chất lượng, mối quan hệ các phòng ban trong Công ty với Phòng thí nghiệm, qui định trách nhiệm, quyền hạn của mọi cán bộ nhân viên, đồng thời viện dẫn các quy trình hoặc tài liệu áp dụng để đảm bảo Hệ thống quản lý chất lượng của Phòng thí nghiệm phù hợp với chức năng nhiệm vụ được quy định và phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017.
- Sổ tay này cũng nhằm mục đích cung cấp thông tin về hệ thống quản lý chất lượng của Phòng thí nghiệm Công ty CPTV Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh cho khách hàng và các tổ chức bên ngoài muốn tìm hiểu hoạt động của Công ty.

1.2 PHẠM VI ÁP DỤNG

- Công ty xây dựng và thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng cho lĩnh vực hoạt động cung cấp dịch vụ thí nghiệm để đảm bảo chất lượng kết quả phân tích tốt nhất và Hệ thống quản lý chất lượng luôn được cải tiến liên tục.
- Hệ thống quản lý chất lượng này được áp dụng tại Phòng Thí nghiệm, là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ trong tổ chức của Công ty, trực thuộc Xí nghiệp Khảo Sát và được giao nhiệm vụ thực hiện phân tích, thử nghiệm.

1.3 TÀI LIỆU THAM KHẢO

TCVN ISO/IEC 17025:2017

1.4 ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1.4.1 Định Nghĩa Các Thuật Ngữ

- Hệ thống chất lượng: Cơ cấu tổ chức, các quy trình, quá trình và nguồn lực cần thiết để thực hiện quản lý chất lượng.
- Đảm bảo chất lượng: Toàn bộ các hoạt động có kế hoạch và hệ thống cần thiết để tạo sự tin tưởng, thỏa đáng rằng dịch vụ sẽ thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng.
- Cán bộ Quản lý chất lượng: Người chịu trách nhiệm về việc áp dụng hệ thống chất lượng của một tổ chức.
- Sổ tay chất lượng: Tài liệu công bố chính sách chất lượng, hệ thống chất lượng và thực hành chính sách chất lượng.
- Chính sách chất lượng: Là những ý tưởng, định hướng chung của một tổ chức có liên quan đến chất lượng và được Lãnh đạo cao nhất công bố.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 6/21

- Quy trình: Cách thức cụ thể để tiến hành một hoạt động hay quá trình.

1.4.2 Những từ viết tắt, tên gọi tắt:

STCL	:	Sổ tay chất lượng.
PTN	:	Phòng thí nghiệm
HTQLCL	:	Hệ thống quản lý chất lượng
PTTN	:	Phân tích thử nghiệm
QLCL	:	Quản lý chất lượng
QLKT	:	Quản lý kỹ thuật
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
Công ty	:	Công ty CPTV Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 7/21

Chương 2 CƠ CẤU TỔ CHỨC

2.1 GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY:

- Tên công ty: Công ty CPTV Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5700479203, đăng ký lần đầu ngày 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/10/2018. Cơ quan cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.
- Địa chỉ: Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 02033.835 736
- Mã số thuế: 5700479203

2.2 CƠ CẤU TỔ CHỨC:



2.3 CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ:

1. Giám đốc:

- Tổ chức và điều hành chung mọi hoạt động kinh doanh trong Công ty;
- Là người quyết định cao nhất các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;
- Trực tiếp điều hành, giám sát toàn bộ hoạt động của các bộ phận trong Công ty;
- Chịu trách nhiệm quản lý và cung cấp nguồn lực để đảm bảo phát huy đầy đủ năng lực kiểm nghiệm và tính hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO/IEC

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 8/21

17025 cho Đội thí nghiệm – kiểm định, chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thử nghiệm trước khách hàng và cơ quan liên quan.

- Ký ban hành các qui chế, qui định, thủ tục kiểm soát, hướng dẫn, ... cho toàn công ty, quyết định Chính sách chất lượng của Công ty.

- Quyết định xử lý, khen thưởng, kỷ luật, sa thải liên quan đến toàn bộ nhân sự trong Công ty.

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và pháp luật về mọi hoạt động của Công ty.

2. Xí nghiệp khảo sát:

- Xí nghiệp Khảo sát là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của Công ty, có chức năng nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho Giám đốc để triển khai chỉ đạo hướng dẫn kiểm tra giám sát của Công ty đối phòng thí nghiệm, tư vấn khảo sát địa chất, địa hình .

- Chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi các đơn vị trực thuộc về công tác nghiệp vụ theo chức năng được giao để tổng hợp báo cáo kết quả đã kiểm tra xử lý trình Giám đốc,.

- Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng sản phẩm.

- Triển khai những tiêu chuẩn, quy trình quản lý chất lượng.

- Tổ chức thực hiện các phương án kỹ thuật và khai thác có hiệu quả thiết bị kỹ thuật được trang bị, đảm bảo cho các công việc đơn vị đạt chất lượng tốt, thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị đúng quy trình, quy phạm.

- Quản lý thiết bị, theo dõi, trình duyệt phương án sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo định kỳ và khi bị hư hỏng.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát kỹ thuật chất lượng, tiến độ thi công các công trình nhận thầu. Tham gia xử lý các vấn đề về kỹ thuật, khối lượng phát sinh trong thi công và kiến nghị xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ phối hợp với các phòng ban có liên quan để kiểm kê, kiểm tra kỹ thuật thiết bị đề xuất thanh lý tài sản cố định hư hỏng, không sử dụng đến hoặc không còn sử dụng được.

- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc công ty.

3. Phòng Thí nghiệm:

3.1 Tổng quan PTN

- Cung cấp một phương thức thống nhất trong việc thử nghiệm và kiểm soát các biên bản thử nghiệm trong hệ thống quản lý chất lượng của Công ty

- Tiếp nhận phiếu yêu cầu từ phòng Kỹ thuật

- Chủ trì thực hiện các phép thử nghiệm theo danh mục được cấp phép.

- Chủ trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình, quy phạm, hướng dẫn kỹ thuật, hướng dẫn bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng trong việc thí nghiệm trong và ngoài hiện trường. Đưa ra các đề xuất, kiến nghị trong lĩnh vực thí nghiệm thiết bị cho lãnh đạo xem xét phê duyệt.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 9/21

- Quản lý, lưu giữ các kết quả thí nghiệm, các văn bản pháp quy, các quy trình, quy phạm, các tiêu chuẩn liên quan đến công tác thí nghiệm.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả, đúng quy định đối với các trang thiết bị, máy móc, dụng cụ thí nghiệm, vật tư, vật liệu được giao. Tham gia công tác kiểm kê định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu của Giám đốc

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo.

- Nhân sự PTN: 04 người (01 trưởng phòng; 03 thí nghiệm viên)

3.2 Mô tả công việc

3.2.1 Trưởng phòng

- Có trách nhiệm hướng dẫn và yêu cầu mọi người tuân thủ đúng các tiêu chuẩn khi thực hiện phép thử. Chịu trách nhiệm về hồ sơ, tài liệu, sổ sách số liệu phù hợp hệ thống quản lý chất lượng đã xây dựng.

- Chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm.

- Quản lý các thiết bị thí nghiệm lên kế hoạch định kì kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định nhằm đảm bảo độ chính xác của phép thử.

- Lập báo cáo tình hình hoạt động của phòng thí nghiệm gửi Sở xây dựng.

- Tổ chức soát xét định kì về sự phù hợp của hệ thống chất lượng.

- Kí các báo cáo kết quả thí nghiệm để đóng dấu las.

- Có quyền yêu cầu ngừng tiến hành công việc khi có dấu hiệu không tuân thủ quy trình, quy phạm kĩ thuật.

3.2.2. Thí nghiệm viên

- Tuân thủ nhiệm vụ được giao, trung thực trong quá trình thí nghiệm và kết quả thí nghiệm.

- Kiểm tra việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm trong thí nghiệm.

- Kiểm tra điều kiện môi trường thí nghiệm, tình trạng thiết bị, dụng cụ điều kiện an toàn.

- Chịu trách nhiệm về số liệu thí nghiệm do mình thực hiện.

- Tham gia đánh giá nội bộ định kì.

- Có quyền kiểm tra các hoạt động có liên quan đến công tác thí nghiệm.

- Khi hết thời hạn khắc phục những điểm chưa phù hợp có quyền kiểm tra lại nếu vẫn chưa đạt yêu cầu thì có quyền kiến nghị bằng văn bản với cán bộ phụ trách chất lượng.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 10/21

Chương 3 HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

3.1 HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG

Xác định các tiêu chí và phương pháp cần thiết để đảm bảo cho việc điều hành và kiểm soát các hệ thống QLCL này đạt hiệu quả thông qua:

3.1.1 CÔNG BỐ CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Phòng thí nghiệm Công ty CPTV Quy hoạch thiết kế Xây dựng Quảng ninh xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 nhằm mục đích đảm bảo chất lượng kết quả đo, thử nghiệm đáp ứng tốt nhất nhu cầu ngày càng cao của khách hàng với phương châm:

- Chính xác;
- Minh bạch, khách quan;
- Kịp thời.
- Hiệu quả
- Cải tiến liên tục

3.1.2 CAM KẾT CỦA LÃNH ĐẠO

Giám đốc Công ty cam kết luôn duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 và thường xuyên cải tiến hiệu lực của Hệ thống quản lý này. Tất cả nhân viên của PTN Công ty đều được phổ biến và hiểu rõ HTQLCL. Mỗi người, trong công việc của mình, phải có ý thức và trách nhiệm áp dụng đúng các quy trình và hướng dẫn của HTQLCL.

3.1.3 MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG

Mục tiêu sẽ do Lãnh đạo đơn vị xây dựng và sẽ được xem xét, hoạch định vào cuộc họp xem xét lãnh đạo hàng năm.

MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG NĂM 2024

Đảm bảo việc quản lý chất lượng phù hợp theo các tiêu chí của hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO/IEC 17025:2017

1. Đảm bảo các nguồn lực cần thiết để xây dựng thành công hệ thống quản lý chất lượng trong năm 2026.
2. 100% Cán bộ, nhân viên chấp hành đúng các quy định, qui trình của PTN Công ty không để xảy ra sai sót, mắc lỗi chuyên môn trong hoạt động thử nghiệm.
3. Trả kết quả thử nghiệm cho khách hàng hoàn thành đúng tiến độ đạt 95%.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 11/21

4. Đảm bảo 95% không có khiếu nại của khách hàng liên quan đến chất lượng dịch vụ và kết quả thử nghiệm của đơn vị.

3.2 CẤU TRÚC TÀI LIỆU CỦA HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG

3.2.1 Nội dung của Sổ tay Chất lượng

Sổ tay chất lượng gồm 5 chương với các nội dung

- Chương 1 : Giới thiệu sổ tay chất lượng
- Chương 2 : Cơ cấu tổ chức
- Chương 3 : Hệ thống quản lý chất lượng
- Chương 4 : Các yêu cầu về quản lý
- Chương 5 : Các yêu cầu về kỹ thuật

3.2.2 Tài Liệu Của Hệ Thống Chất Lượng

Hệ thống tài liệu của PTN Công ty gồm:

a. Sổ tay chất lượng: Tầng 1

Mô tả các hoạt động quản lý chất lượng, các trách nhiệm, quyền hạn của mọi cán bộ nhân viên, đồng thời viện dẫn các quy trình hoặc tài liệu áp dụng để đảm bảo Hệ thống quản lý chất lượng của PTN phù hợp với chức năng nhiệm vụ được quy định và các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017.

b. Các quy trình: Tầng 2

Được biên soạn và ban hành nhằm quy định trách nhiệm, cách thức tiến hành các hoạt động và các biểu mẫu có liên quan

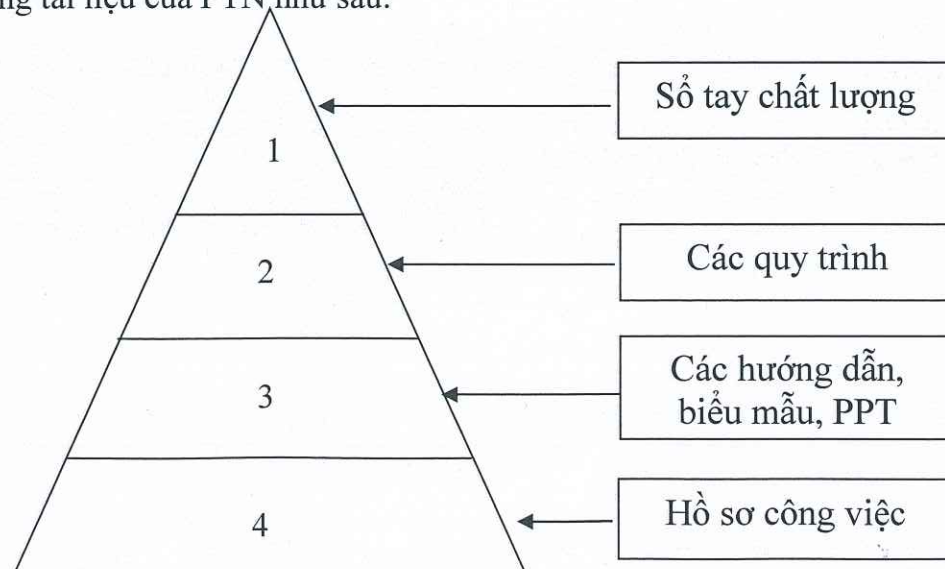
c. Các hướng dẫn công việc, phương pháp thử, biểu mẫu áp dụng: Tầng 3

Hướng dẫn, phương pháp, các tài liệu kỹ thuật: đây là các tài liệu hướng dẫn việc thực hiện các phương pháp, công việc, thủ tục cụ thể trong quá trình hoạt động của PTN

d. Hồ sơ chất lượng: Tầng 4

Hồ sơ thực hiện công việc được lưu trữ

Cấu trúc hệ thống tài liệu của PTN như sau:



SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 12/21

Chương 4 CÁC YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ

4.1 TỔ CHỨC

Thể hiện trong chương 2 của STCL

4.2 HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG

Thể hiện trong chương 1 và chương 3 của STCL

4.3 KIỂM SOÁT TÀI LIỆU

4.3.1 Mục Đích

Kiểm soát tài liệu nhằm mục đích đảm bảo tài liệu nội bộ và tài liệu bên ngoài có liên quan đến hệ thống chất lượng của công ty đều được người có thẩm quyền phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng, đồng thời tài liệu mới nhất luôn có sẵn tại nơi cần sử dụng và tránh sử dụng nhầm tài liệu hoặc sử dụng tài liệu đã lỗi thời.

4.3.2 Nội dung

Việc kiểm soát tài liệu được thực hiện từ khâu lập kế hoạch, biên soạn/soát xét, phê duyệt, ban hành, phân phối, cập nhật và hủy bỏ (các bản sao tài liệu dùng để tham khảo hoặc là những tài liệu dùng để đào tạo có thể không cần phải kiểm soát theo quy trình kiểm soát tài liệu).

Quy trình kiểm soát hồ sơ, tài liệu, mã quy trình: QT/HSTL-01

4.4 XEM XÉT YÊU CẦU, ĐỀ NGHỊ VÀ HỢP ĐỒNG

4.4.1 Mục đích

Đề ra cách thức và trách nhiệm thực hiện xem xét yêu cầu thử nghiệm.

4.4.2 Nội dung

a. PTN luôn thực hiện việc xem xét và thảo luận với khách hàng về các yêu cầu thử nghiệm nhằm đảm bảo:

- Chấp nhận các yêu cầu phù hợp với năng lực hiện tại của PTN.
- Thỏa mãn tối đa yêu cầu của khách hàng và đảm bảo tốt chất lượng của dịch vụ công ty.

b. Mọi khác biệt trong Yêu cầu/ Hợp đồng đều được giải quyết trước khi tiến hành công việc và đảm bảo mỗi Hợp đồng phải được công ty và khách hàng chấp nhận:

- Khi có sự thay đổi của khách hàng đối với Yêu cầu/ Hợp đồng đã được chấp nhận thì công ty tiến hành xem xét và thảo luận lại với khách hàng và ghi nhận lại sự thống nhất giữa hai bên.
- Khi có sự thay đổi của công ty đối với Yêu cầu/ Hợp đồng đã được chấp nhận thì công ty thông báo bằng văn bản cho khách hàng biết và phải được sự đồng ý của khách hàng bằng văn bản.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 13/21

- Khi có sự thay đổi của khách hàng đối với Yêu cầu/ Hợp đồng đã được chấp nhận mà công việc đã thực hiện, công ty sẽ lập lại quá trình xem xét Yêu cầu/ Hợp đồng

c. Các nhân viên có liên quan được thông báo về những thay đổi trong Yêu cầu/ Hợp đồng đã được chấp nhận (nếu có).

d. Việc xem xét các Yêu cầu/ Hợp đồng có thể được giảm nhẹ so với thủ tục trong trường hợp các yêu cầu đó là những công việc thường xuyên, hàng ngày của công ty.

e. Trong trường hợp với công việc thường xuyên, hàng ngày và năng lực thực tại của công ty không thay đổi thì việc xem xét yêu cầu có thể không cần thực hiện nghiêm ngặt theo đúng thủ tục.

Quy trình xem xét yêu cầu, đề nghị và hợp đồng, mã quy trình: QT/XXYC-10

4.5 MUA DỊCH VỤ VÀ VẬT TƯ, HÀNG HÓA

4.5.1 Mục đích

Đảm bảo việc mua vật tư và đồ cung cấp theo đúng yêu cầu.

4.5.2 Nội dung

- Công ty thực hiện kiểm soát tất cả các hàng hoá, dịch vụ cần sử dụng cho hoạt động thử nghiệm có ảnh hưởng đến chất lượng kết quả công việc. Việc kiểm soát được thực hiện từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, phê duyệt nhu cầu mua sắm/ thuê dịch vụ và kiểm tra hàng hoá/ dịch vụ được cung cấp trước khi đưa vào sử dụng.
- Công ty chỉ lựa chọn các nhà cung cấp được Công ty đánh giá là phù hợp. Ưu tiên cho các nhà cung cấp được công nhận/ chứng nhận bởi cơ quan công nhận Quốc gia hoặc Quốc tế hoặc các tổ chức chứng nhận.
- Trước khi đưa vào danh sách các nhà cung cấp được lựa chọn phải có đầy đủ các thông tin cần thiết để đánh giá được năng lực của nhà cung cấp đó.
- Việc mua sắm các đồ cung cấp/ dịch vụ phải được người có thẩm quyền phê duyệt từ khâu đề nghị.
- Hàng hoá/ dịch vụ phải được kiểm tra trước khi sử dụng.
- Các thông tin liên quan đến dịch vụ mua sắm và nguồn cung cấp phải được lưu giữ
- Quy trình mua vật tư, hàng hóa (áp dụng cho mua sắm vật tư, hàng hóa): QT/VTHH-04

4.6 DỊCH VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

4.6.1 Mục đích

Đảm bảo sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ thử nghiệm của Công ty.

4.6.2 Nội dung

a. Đối với khách hàng, PTN sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu sau:

- Khách hàng được phép tìm hiểu năng lực của PTN.
- Khách hàng có thể chứng kiến các phép đo, thử mà PTN thực hiện theo yêu cầu.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 14/21

- Khách hàng có thể yêu cầu PTN lấy mẫu, hướng dẫn lấy mẫu, bao gói, vận chuyển mẫu...

b. PTN sẵn sàng thảo luận với khách hàng khi xem xét yêu cầu thử nghiệm để làm rõ mọi yêu cầu của khách hàng và giữ liên lạc với khách hàng để kịp thời thông báo các thay đổi, chậm trễ hoặc có sự sai lệch lớn khi thực hiện các phép đo, thử nghiệm theo xem xét yêu cầu, đề nghị và hợp đồng, mã quy trình: **QT/XXYC-10**.

d. PTN thông báo kịp thời cho khách hàng những sự không phù hợp có thể ảnh hưởng đến việc sử dụng kết quả đo, thử nghiệm được phát hiện trong công việc hàng ngày, qua đánh giá nội bộ.

e. Bất kỳ thông tin liên quan đến mẫu thử và kết quả thử nghiệm chỉ được cung cấp cho các cá nhân, đơn vị (không phải là khách hàng) khi được sự đồng ý của chính khách hàng hoặc yêu cầu của các cơ quan chức năng theo qui định của pháp luật.

Việc bảo mật thông tin về mẫu được thực hiện thông qua các yêu cầu sau:

- Mã hóa mẫu: PTN có nhiệm vụ mã hóa mẫu theo quy định. Trường hợp PTN thực hiện lấy mẫu hoặc thử nghiệm tại hiện trường phải thực hiện theo nguyên tắc bảo mật cho khách hàng.
- Khách hàng chứng kiến thử nghiệm chỉ trong một chừng mực nhất định dưới sự hướng dẫn của nhân viên PTN để bảo mật cho các khách hàng khác.
- Chuyển giao kết quả thử nghiệm: Nhân viên được Trưởng PTN phân công trực tiếp giao kết quả thử nghiệm cho khách hàng hoặc qua đường bưu điện (không sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc khác).
- Tiếp cận và sử dụng các hồ sơ thử nghiệm: Chỉ những người có thẩm quyền của Công ty mới được phép tiếp cận, sử dụng.
- Khi có bất kỳ cá nhân nào vi phạm quyền sở hữu và bảo mật thông tin, Trưởng PTN có trách nhiệm lập hồ sơ vụ việc, đề nghị biện pháp xử lý theo qui định của Công ty và các hành động khắc phục nếu cần thiết.

4.7 KIỂM SOÁT CÔNG VIỆC KHÔNG PHÙ HỢP

4.7.1 Mục đích

Nhằm kiểm soát và giải quyết tốt những vấn đề không phù hợp trong công việc thử nghiệm.

4.7.2 Nội dung

a. Bất kỳ khía cạnh nào về hoạt động thử nghiệm hoặc kết quả đo, thử nghiệm không phù hợp với các quy định, thủ tục đã được đề ra; hoặc không đúng theo yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng đều phải được kiểm soát.

b. Việc kiểm soát công việc không phù hợp được thực hiện theo Quy trình **QT/KSKPH-09** (Kiểm soát thử nghiệm không phù hợp). Quy trình này phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 15/21

- Xác định rõ người có trách nhiệm và quyền hạn quản lý các công việc không phù hợp kèm theo quy định cụ thể các hành động tương ứng phải được thực thi khi phát hiện công việc không phù hợp bao gồm cả quyền được tạm dừng công việc, giữ lại báo cáo kết quả thử nghiệm (khi cần thiết).
- Đánh giá mức độ nghiêm trọng khi phát hiện công việc không phù hợp để xác định khả năng chấp nhận hoặc phải thực hiện ngay những hành động khắc phục tương ứng.
- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của công việc không phù hợp với kết quả đo, thử nghiệm để thông báo cho khách hàng và thu hồi lại kết quả không phù hợp (khi cần thiết).
- Quy định thẩm quyền cho phép tiếp tục công việc trở lại sau khi thực hiện hành động khắc phục tương ứng.

c. Việc kiểm soát công việc không phù hợp và những hành động tương ứng phải được ghi chép và lưu trong hồ sơ công việc không phù hợp.

Quy trình QT/KSKPH-09 (Kiểm soát thử nghiệm không phù hợp)

4.8 CẢI TIẾN

Nhằm mục đích ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ thử nghiệm và hiệu quả của hệ thống quản lý.

Cải tiến thường xuyên thông qua các hoạt động của hệ thống quản lý như:

- Đánh giá nội bộ và bên ngoài.
- Tiếp nhận và giải quyết phàn nàn của khách hàng.
- Đảm bảo chất lượng kết quả thử nghiệm.
- Đào tạo thích hợp cho nhân viên.
- Xem xét của lãnh đạo.
- Các báo cáo và dữ liệu thống kê.
- Phân tích từ các nhu cầu của khách hàng.
- Thực hiện các hành động khắc phục phòng ngừa.

4.9 HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC

4.9.1 Mục đích

Thực hiện tốt hành động khắc phục để hoạt động thử nghiệm ngày càng tốt hơn.

4.9.2 Nội dung

- Hành động khắc phục là hành động loại bỏ nguyên nhân của sự không phù hợp và ngăn ngừa sự không phù hợp tái diễn. Hành động khắc phục được thực hiện khi phát hiện vấn đề liên quan đến chất lượng phân tích và hệ thống quản lý thông qua ý kiến phàn nàn / khiếu nại của khách hàng, xử lý sự không phù hợp, kết quả của các cuộc đánh giá nội bộ, những lần xem xét của lãnh đạo.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 16/21

- Quy trình hành động khắc phục bao gồm việc ghi nhận những sự không phù hợp, kiểm tra phân tích nguyên nhân, thực hiện các biện pháp xử lý, thẩm tra kết quả và lưu giữ hồ sơ.
- Quy trình QT/KPPN-08 (Hành động khắc phục, phòng ngừa).

4.10 HÀNH ĐỘNG PHÒNG NGỪA

4.10.1 Mục đích

Nhằm hạn chế tốt nhất sự không phù hợp có thể xảy ra và thực hiện cải tiến.

4.10.2 Nội dung

- PTNKĐ thường xuyên nghiên cứu, xác định các nguồn gốc tiềm tàng có thể dẫn đến sự không phù hợp trong hoạt động kỹ thuật và của hệ thống quản lý, đồng thời phải xác định những cải tiến cần thiết nhằm nâng cao năng lực ĐTNKĐ và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng để xây dựng kế hoạch và thực hiện hành động phòng ngừa cần thiết.
- Hành động phòng ngừa phải được tuân thủ theo Quy trình QT/KPPN-08 (hành động khắc phục, phòng ngừa). Quy trình này phải được thực hiện và được kiểm soát trên cơ sở được xây dựng thành kế hoạch, phân công trách nhiệm rõ ràng, để đảm bảo tính hiệu quả.
- Hành động phòng ngừa phải được ghi chép đầy đủ và lưu hồ sơ.

Quy trình QT/KPPN-08 (Hành động khắc phục, phòng ngừa).

4.11 KIỂM SOÁT HỒ SƠ

4.11.1 Mục đích

Đảm bảo các hồ sơ được lập đầy đủ, rõ ràng và được lưu giữ tốt.

4.11.2 Nội dung

a. Toàn bộ các hồ sơ có liên quan đến hệ thống chất lượng, hồ sơ kỹ thuật đều được kiểm soát nhằm đảm bảo các yêu cầu sau:

- Được ghi chép rõ ràng, đầy đủ thông tin cần thiết
- Được tập hợp, đánh số hoặc ghi ký hiệu để dễ nhận biết,
- Được bảo quản, lưu trữ một cách an toàn trong môi trường không làm hư hỏng hoặc mất mát, với thời gian đã được quy định cho từng loại và có thể dễ dàng truy tìm
- Đảm bảo tính bảo mật,
- Có khả năng ngăn ngừa việc truy cập trái phép hoặc sửa đổi thông tin đã có.
- Việc sửa chữa hồ sơ (nếu có sai lỗi) được thực hiện đúng quy định.

b. Việc kiểm soát hồ sơ phải tuân thủ theo Quy trình QT/HSTL-01 (Kiểm soát hồ sơ, tài liệu).

4.12 ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 17/21

4.12.1 Mục đích

Đánh giá nội bộ để xác định sự phù hợp và tính hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng.

4.12.2 Nội dung

- Phạm vi đánh giá là các yêu cầu của TCVN ISO/IEC 17025:2017, các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng của Công ty (bao gồm: Sổ tay chất lượng và các quy trình, hướng dẫn...)
- Kết quả đánh giá chất lượng nội bộ được dùng làm cơ sở để PTN kiến nghị, đưa ra các biện pháp khắc phục, phòng ngừa, cải tiến, đồng thời phục vụ cho việc xem xét của lãnh đạo.
- Công ty thực hiện việc đánh giá chất lượng nội bộ ít nhất một lần trong năm. Ngoài ra, Đánh giá đột xuất được áp dụng cho tổ, bộ phận có liên quan khi:
 - + Có phàn nàn, khiếu nại của khách hàng liên quan đến hệ thống quản lý.
 - + Có công việc không phù hợp với các thủ tục hoặc các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng.
 - + Đánh giá bổ sung sau khi thực hiện hành động khắc phục (nếu cần thiết).
- Việc đánh giá nội bộ được thực hiện bởi những người có trình độ chuyên môn phù hợp, đã được đào tạo về đánh giá nội bộ và nếu được thì độc lập với hoạt động được đánh giá.
- Kết quả đánh giá nội bộ phải được xử lý nhằm đảm bảo các yêu cầu sau:
 - + Khi phát hiện có sự không phù hợp đều phải tiến hành các hành động khắc phục. Việc thực hiện và hiệu quả của hành động khắc phục phải được kiểm tra và ghi lại.
 - + Khi việc điều tra cho thấy sự không phù hợp có ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả mà có thể ảnh hưởng đến khách hàng thì phải thông báo bằng văn bản với khách hàng.
 - + Hoạt động đánh giá nội bộ phải được ghi chép, có sự xác nhận của người có thẩm quyền và phải đưa vào hệ thống hồ sơ lưu trữ.
- Việc đánh giá nội bộ phải được thực hiện theo Quy trình Đánh giá nội bộ QT/ĐGNB-05.

4.13 XEM XÉT CỦA LÃNH ĐẠO

4.13.1 Mục đích

Nhằm khẳng định tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống quản lý đang được thực hiện và duy trì tại công ty.

4.13.2 Nội dung

- Lãnh đạo định kỳ xem xét hệ thống quản lý và các hoạt động thử nghiệm để đảm bảo rằng hệ thống này đang tiếp tục thích hợp, có hiệu quả, đồng thời đưa ra được những thay đổi hoặc cải tiến cần thiết.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: **STCL**

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 18/21

- Việc xem xét của lãnh đạo được lập thành kế hoạch và thực hiện ít nhất 1 năm/lần.
- Việc xem xét của lãnh đạo nhằm tạo cơ sở để xây dựng kế hoạch hoạt động thử nghiệm cho năm tiếp theo và được thực hiện theo Quy trình **QT/XXLD-06** (Xem xét lãnh đạo).
- Những hoạt động phát sinh từ việc xem xét của lãnh đạo được thực hiện theo tiến độ thời gian thích hợp đã thống nhất.
- Những phát hiện và các hoạt động phát sinh từ việc xem xét của lãnh đạo đều được ghi nhận bằng văn bản và lưu trữ theo Quy trình QT/HSTL-01 (Kiểm soát hồ sơ, tài liệu).

Quy trình Xem xét lãnh đạo **QT/XXLD-06**.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 19/21

Chương 5 CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

5.1 YÊU CẦU CHUNG

Công ty đảm bảo các yếu tố quyết định đến độ chính xác và tin cậy của các phép thử luôn được quan tâm và kiểm soát một cách thích hợp. Các yếu tố này bao gồm :

- Con người,
- Tiện nghi và điều kiện môi trường,
- Phương pháp thử,
- Thiết bị,
- Lấy mẫu và quản lý mẫu

5.2 NHÂN SỰ

5.2.1 Mục đích

Nhằm đảm bảo việc tuyển chọn và đào tạo nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, đủ phẩm chất đáp ứng các nhu cầu của công việc của công ty.

5.2.2 Nội dung

- Đảm bảo việc tuyển chọn nhân viên đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng được nhu cầu công việc của công ty.
- Nhân sự tuyển chọn được bố trí công việc phù hợp với năng lực của từng nhân viên và phân công trách nhiệm rõ ràng cho mọi nhân viên trong công ty.
- Việc tuyển dụng, đào tạo nhân viên được thực hiện theo Quy trình QT/TDĐT-11 (Quy trình tuyển dụng, đào tạo).
- Hồ sơ năng lực của nhân viên và hồ sơ đào tạo đều phải được lưu trữ.
- Quy trình tuyển dụng, đào tạo QT/TDĐT-11.

5.3 TIỆN NGHI VÀ ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG

5.3.1 Mục đích

Kiểm soát tiện nghi và điều kiện môi trường, nhằm đảm bảo độ chính xác và tin cậy của kết quả thử nghiệm.

5.3.2 Nội dung

- Đảm bảo các hoạt động đo, thử nghiệm được tiến hành trong điều kiện môi trường thích hợp. Các yếu tố môi trường có ảnh hưởng đến độ chính xác của kết quả thử nghiệm, thiết bị, vệ sinh, an toàn đều được kiểm soát.
- Các điều kiện riêng cho từng phép thử được đảm bảo theo đúng yêu cầu của từng phép thử đó (kể cả yêu cầu bảo quản mẫu).
- Nơi thực hiện các phép đo, phép thử được bố trí để đảm bảo không bị ảnh hưởng lẫn nhau. Các thiết bị dụng cụ thử nghiệm được bố trí hợp lý đảm bảo thuận tiện cho việc thao tác không làm ảnh hưởng đến độ chính xác cần thiết của kết quả thử nghiệm.

SỔ TAY CHẤT LƯỢNG

Mã số: STCL

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 08/04/2026

Trang: 20/21

5.4 PHƯƠNG PHÁP THỬ VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG PHÁP

5.4.1 Mục đích

Quy định việc lựa chọn, xem xét đánh giá và phê duyệt phương pháp thử thích hợp nhằm triển khai và áp dụng trong công tác thử nghiệm.

5.4.2 Nội dung

a. Chọn phương pháp thử

- Ưu tiên chọn lựa để sử dụng các phương pháp đã được ban hành với hình thức là tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc tiêu chuẩn Việt Nam và phù hợp với năng lực của công ty. Bản tiêu chuẩn sử dụng phải là bản còn hiệu lực áp dụng (bản mới nhất).
- Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, PTN có thể xây dựng và sử dụng các phương pháp nội bộ hoặc các phương pháp được đăng trong các tạp chí khoa học (gọi là các Phương pháp không tiêu chuẩn).
- Tất cả các thay đổi trong khi thực hiện phép thử so với phương pháp đã được tiêu chuẩn hóa phải được lập thành văn bản.
- Khi khách hàng không xác định rõ phương pháp sử dụng thì công ty phải hướng dẫn lựa chọn các phương pháp thử thích hợp.
- Khách hàng được thông báo về phương pháp đo, thử đang sử dụng tại PTN.

b. Phê duyệt phương pháp thử

Việc phê duyệt phương pháp của công ty dựa vào các căn cứ sau:

- Tính cập nhật của tài liệu kỹ thuật được sử dụng.
- Tính phù hợp với năng lực kỹ thuật của PYN.
- Tính đúng đắn của các kết quả tính bằng phương pháp đã được kiểm soát.

5.5 THIẾT BỊ

5.5.1 Mô Tả

- PTNKĐ được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết phù hợp với năng lực và đáp ứng nhu cầu công việc tại công ty.
- Trước khi đưa vào sử dụng, thiết bị phải được hiệu chuẩn hoặc kiểm tra để khẳng định rằng thiết bị đáp ứng đủ các yêu cầu kỹ thuật và phù hợp với phương pháp đo, thử nghiệm do PTNKĐ thực hiện.
- Thiết bị, hoá chất được kiểm soát theo Quy trình QT/KSTB-02 (Kiểm soát thiết bị), và các hướng dẫn cụ thể trong sổ tay thiết bị.
- Các thiết bị đều có hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo trì và nếu có thể có các hướng dẫn kiểm tra định kỳ. Các hướng dẫn này được lập thành văn bản và có tại nơi sử dụng thiết bị và trong hồ sơ thiết bị.

Quy trình kiểm soát thiết bị: QT/KSTB-02

CÔNG TY CPTV QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

DANH MỤC TÀI LIỆU NỘI BỘ ĐƯỢC KIỂM SOÁT

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ SỐ	LẦN BAN HÀNH	NGÀY HIỆU LỰC
1	Sổ tay tay chất lượng	STCL	01	08/04/2024
2	Quy trình kiểm soát hồ sơ/tài liệu	QT/HSTL-01	01	08/04/2024
3	Quy trình kiểm soát thiết bị đo	QT/KSTB-02	01	08/04/2024
4	Quy trình thí nghiệm	QT/TNKD-03	01	08/04/2024
5	Quy trình mua vật tư, hàng hóa	QT/VTHH-04	01	08/04/2024
6	Quy trình đánh giá nội bộ	QT/ĐGNB-05	01	08/04/2024
7	Quy trình xem xét của lãnh đạo	QT/XXLD-06	01	08/04/2024
8	Quy trình đảm bảo chất lượng kết quả thử nghiệm	QT/KQTN-07	01	08/04/2024
9	Quy trình hành động khắc phục phòng ngừa	QT/KPPN-08	01	08/04/2024
10	Quy trình kiểm soát thử nghiệm không phù hợp	QT/KSKPH-09	01	08/04/2024
11	Quy trình xem xét yêu cầu thử nghiệm	QT/XXYC-10	01	08/04/2024
12	Quy trình tuyển dụng, đào tạo	QT/TDĐT-11	01	08/04/2024

Hạ Long , Ngày 8 Tháng 04 Năm 2024



Vũ Thế Anh

CÔNG TY CPTV QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

DANH MỤC TÀI LIỆU BÊN NGOÀI

STT	Tên tài liệu/ Trích yếu nội dung	Cơ quan ban hành	Mã tài liệu	Thời gian ban hành
Các quy định của Văn phòng công nhận chất lượng (BoA)				
1.	Chính sách về liên kết chuẩn đo lường.	BoA	APL 02	03/2016
2.	Chính sách về thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng.	BoA	APL 03	03/2016
3.	Yêu cầu chung đối với thử nghiệm thành thạo	Bộ khoa học và công nghệ	TCVN 17043:2011	2011
4.	Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn.	Bộ khoa học và công nghệ	TCVN ISO/IEC 17025:2017	2017
Các tiêu chuẩn ngành				
5.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 4195:2012	2012
6.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 4196:2012	2012
7.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 4197:2012	2012
8.	Xác định thành phần cỡ hạt	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 4198:2014	2012
9.	Xác định sức chống cắt trên máy cát phẳng	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 4199:2012	2012

10.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 4200:2012	2012
11.	Xác định hệ số thấm	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 8723:2012	2012
12.	Xác định khối lượng thể tích	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 4202:2012	2012
13.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 10324-2012	2014
14.	Xác định độ ẩm của đá	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 10321-2012	2014
15.	Xác định khối lượng thể tích của đá	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 10322-2012	2014
16.	Xác định khối lượng riêng của đá	Viện khoa học và công nghệ - BXD	TCVN 8735-2012	2012

Hạ Long, Ngày 08 Tháng 04 Năm 2024

GIÁM ĐỐC



Vũ Thế Anh

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 17025:2017 cho phòng thí nghiệm)

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CPTV QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Xét đề xuất của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO17025:2017.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo Quy trình ISO17025:2017 cho toàn bộ các hoạt động của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo các quy trình đã được phòng thí nghiệm xây dựng sửa đổi và trình ký.

Điều 2. Các ông/ bà Trưởng phòng thí nghiệm, Phòng kế hoạch - kỹ thuật, Phòng kế toán - Hành chính, các phòng ban, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Các phòng ban công ty;
- Lưu văn phòng công ty.

CÔNG TY CPTV QUY HOẠCH
THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH



Vũ Thế Anh

PHẦN IV: HỒ SƠ NĂNG LỰC THIẾT BỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO NGHIỆM THU THIẾT BỊ

Hôm nay, ngày tháng 04 năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN MUA : CÔNG TY CP TƯ VẤN QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH (gọi tắt là bên A)

Địa chỉ : Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại : 02033.835.736 Fax: 02033.836.601

Mã số thuế : 5700 479203

Số tài khoản : 44 000 000 89 tại: Ngân hàng TMCP đầu tư phát triển Việt Nam chi nhánh Quảng Ninh

Đại diện bởi : Ông **VŨ THẾ ANH**

Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH (gọi tắt là bên B)

Địa chỉ : Lô CL04 - 2 Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

Mã số thuế : 0107506448

Điện thoại : 024.38630666 Fax: 024.38630666

Tài khoản số : 228668868 tại ngân hàng Á Châu - PGD Hà Đông-Chi nhánh Hà Nội

Đại diện bởi : Bà **Vũ Thị Hiền**

Chức vụ: **NV Kinh doanh**

Hai bên nhất trí lập biên bản bàn giao nghiệm thu thiết bị thí nghiệm như sau:

Điều 1: Nội dung

Bên B bàn giao cho bên A các thiết bị thí nghiệm:

STT	Tên hàng, Qui cách	ĐVT	S.L	Ghi chú
1.	Máy thí nghiệm kiểm tra nén bê tông dùng thủy lực Model: TYA- 2000 Xuất xứ: Trung Quốc Máy dùng để nén bê tông, gạch, xi măng và các vật liệu xây dựng khác. Hoạt động bằng động cơ điện, hiển thị điện tử. Mẫu nén là mẫu lập phương và mẫu trụ. Điều chỉnh khoảng cách bằng trục ren Tải trọng lớn nhất: 2000KN	Cái	1	

	Sai số: $\pm 1\%$ Áp suất dầu lớn nhất: 42MPa Khoảng cách lớn nhất 2 tấm nén: 370mm Kích thước tấm nén: 240x240mm Hành trình piston: 50mm Đường kính piston: 250mm Tốc độ đi lên lớn nhất của piston: 50mm/min Tốc độ rơi tự do của piston: 20mm/min Nguồn điện: 220V, 50Hz Kích thước: 900 x 400 x 1250mm Trọng lượng: 700kg			
2.	bộ chụp capping nén mẫu D150mm	Bộ	1	
3.	khuôn đúc mẫu bê tông KT: 150 x150x 150mm	Cái	6	
4.	Chi phí vận chuyển bằng xe tải đến địa chỉ: Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Chưa bao gồm phí hạ hàng)	Lần	1	
5.	Chi phí chuyển giao công nghệ tại Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	1	Lần	
6.	Chi phí hiệu chuẩn máy tại Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện bởi CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK420)	1	Lần	

Điều 2: Kết luận

- Bên A đã nhận đủ số lượng hàng hóa theo chi tiết bên trên. Bên A đã kiểm tra, thẩm định kỹ lưỡng chất lượng thiết bị và đồng ý chấp nhận thiết bị đạt yêu cầu.

Biên bản bàn giao nghiệm thu này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Vũ Thế Anh

ĐẠI DIỆN BÊN B

Vũ Thị Hiền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 1204/TA/HĐKT/QN2024

- Căn cứ Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu của bên mua và khả năng cung cấp nhu cầu của bên bán.

Hôm nay, ngày 12 tháng 04 năm 2024, Hai bên gồm có:

BÊN MUA : CÔNG TY CP TƯ VẤN QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH (gọi tắt là bên A)

Địa chỉ : Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại : 02033.835.736 Fax: 02033.836.601

Mã số thuế : 5700 479203

Số tài khoản : 44 000 000 89 tại: Ngân hàng TMCP đầu tư phát triển Việt Nam chi nhánh Quảng Ninh

Đại diện bởi : Ông **VŨ THẾ ANH**

Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH (gọi tắt là bên B)

Địa chỉ : Lô CL04 - 2 Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

Mã số thuế : 0107506448

Điện thoại : 024.38630666 Fax: 024.38630666

Tài khoản số : 228668868 tại ngân hàng Á Châu - PGD Hà Đông-Chi nhánh Hà Nội

Đại diện bởi : Bà **CAO THỊ LAN ANH**

Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng nhau tiến hành ký kết hợp đồng Kinh tế với các điều khoản sau:

Điều I: Tên hàng, quy cách, số lượng, trị giá.

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A thiết bị thí nghiệm sau:

STT	Tên hàng, Qui cách	DVT	S.L	Đơn giá	Thuế	Thành tiền
1.	Máy thí nghiệm kiểm tra nén bê tông dùng thủy lực Model: TYA- 2000 Xuất xứ: Trung Quốc Máy dùng để nén bê tông, gạch, xi măng và các vật liệu xây dựng khác. Hoạt động bằng động cơ điện, hiển thị điện tử. Mẫu nén là mẫu lập phương và mẫu trụ. Điều chỉnh khoảng cách bằng trục ren Tải trọng lớn nhất: 2000KN Sai số: ±1% Áp suất dầu lớn nhất: 42MPa Khoảng cách lớn nhất 2 tấm nén: 370mm Kích thước tấm nén: 240x240mm Hành trình piston: 50mm Đường kính piston: 250mm Tốc độ đi lên lớn nhất của piston: 50mm/min Tốc độ rơi tự do của piston: 20mm/min Nguồn điện: 220V, 50Hz Kích thước: 900 x 400 x 1250mm Trọng lượng: 700kg	Cái	1	41,000,000	10%	45,100,000
2.	bộ chụp capping nén mẫu D150mm	Bộ	1	450,000		Tặng kèm khi mua máy nén bê tông
3.	khuôn đúc mẫu bê tông KT: 150 x150x 150mm	Cái	6	90,000		Tặng kèm khi mua máy nén bê tông
4.	Chi phí vận chuyển bằng xe tải đến địa chỉ: Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Chưa bao gồm phí hạ hàng)	Lần	1	1,000,000	8%	1,080,000
5.	Chi phí chuyển giao công nghệ tại Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	1	Lần	Miễn phí		
6.	Chi phí hiệu chuẩn máy tại Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện bởi CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN	1	Lần	Miễn phí		



ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK420)					
Tổng tiền đã bao gồm thuế VAT 8%-10%					46,180,000

Bảng chữ: Bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng;

Điều II: Chất lượng, xuất xứ, bảo hành

2.1 Chất lượng: Hàng hóa mới 100%, đúng quy cách và bảo đảm các thông số kỹ thuật như đã nêu trên.

2.2 Xuất xứ: đúng theo mô tả chi tiết.

2.3 Bảo hành: Thiết bị được bảo hành trong 12 tháng kể từ ngày bàn giao đối với những hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất (Hàng hóa, vật tư tiêu hao không nằm trong danh mục bảo hành).

+ Không bảo hành thiết bị trong trường hợp xảy ra cháy nổ điện, lũ lụt, thiên tai.

+ Địa điểm bảo hành: tại Hà Nội

Điều III: Thời gian, địa điểm giao hàng, hướng dẫn sử dụng thiết bị.

3.1 Thời gian giao hàng: Hàng có sẵn.

3.2 Địa điểm giao hàng: Tại địa điểm của bên A Km3, đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Chưa bao gồm phí hạ hàng)

Điều IV: Phương thức và thời gian thanh toán.

4.1 Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

4.2 Thời gian thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi ký hợp đồng này.

Điều V: Trách nhiệm của các bên

5.1 Trách nhiệm của bên A:

- Thanh toán đúng thời hạn và thực hiện đúng thỏa thuận theo điều IV của hợp đồng
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận thiết bị.

5.2 Trách nhiệm của bên B

- Giao hàng đầy đủ và đúng thời hạn và đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng thiết bị như đã ghi như trên

- Cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A.

Điều VI: Cam kết chung.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.
- Trong trường hợp có thay đổi, phát sinh thì phải được hai bên thống nhất bằng văn bản mới có giá trị.

- Hai bên không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý của bên kia. Mọi tổn thất do việc đơn phương hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng sẽ được bên tự ý hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng bồi thường cho bên kia.

- Trong trường hợp có sự tranh chấp Hợp đồng Kinh tế mà hai bên không tự giải quyết được thì sự việc sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của tòa Kinh tế là Quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân theo.

- Hợp đồng này tự động thanh lý và hết hiệu lực khi bên B nhận đủ 100% tổng giá trị thanh toán

- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



GIÁM ĐỐC
Vũ Thế Anh



GIÁM ĐỐC
Cao Thị Lan Anh





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TTA

Số (No.): 00000622

Ngày (Date) 12 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 00ECB1906B9A7542D7A9B55AB751548757

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế (Tax code): 0107506448

Địa chỉ (Address): Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02438630666

Website: <https://tatechco.com.vn> & tatechco.vn

Email: contact@tatechco.vn

Số tài khoản (Bank account): 228668868 - Ngân hàng TMCP Á Châu ACB-Chi nhánh Hà Nội



Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Mã số thuế (Tax code): 5700479203

Địa chỉ (Address): Km số 3, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Cước vận chuyển hàng hóa từ Hà Nội - Quảng Ninh	Chuyến	1,00	1.000.000,00	1.000.000
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					1.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 % Tiền thuế GTGT (VAT amount):		80.000	
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					1.080.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

TRUNG ANH TECHNICAL CO., LTD

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH

THIẾT BỊ KỸ THUẬT

VÀ SẢN XUẤT

TRUNG ANH

Ký ngày (Signing Date): 12/04/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): A0C6HA01_D8L

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TTA

Số (No.): 00000621

Ngày (Date) 12 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 005DC5D1E4E0124F13B4988B697A8104AF

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế (Tax code): 0107506448

Địa chỉ (Address): Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố

Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02438630666

Website: <https://tatechco.com.vn> & tatechco.vn

Email: contact@tatechco.vn

Số tài khoản (Bank account): 228668868 - Ngân hàng TMCP Á Châu ACB-Chi nhánh Hà Nội



Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Mã số thuế (Tax code): 5700479203

Địa chỉ (Address): Km số 3, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Máy kiểm tra độ cứng bê tông bằng kéo nén thủy lực, được sơn màu xanh, Model TYA-2000	Cái	1,00	41.000.000,00	41.000.000
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					41.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate):		10 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		4.100.000
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					45.100.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Bốn mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

TRUNG ANH TECHNICAL CO., LTD

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH

THIẾT BỊ KỸ THUẬT

VÀ SẢN XUẤT

TRUNG ANH

Ký ngày (Signing Date): 12/04/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): R3C0H7LX6BV0

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Quý khách hàng đã thực hiện thành công giao dịch chuyển tiền với thông tin như sau:

(The transaction has been executed successfully with the information as follows):

Chi tiết tài khoản chuyển tiền (Details of account)

Số tài khoản (*Account*): 4400000089

Tên tài khoản (*Account name*): CTY CP TU VAN QUY HOACH THIET KE XD QUAN

Tại chi nhánh (*Branch*): NH TMCP DT VA PT VN CN QUANG NINH

Loại tiền của tài khoản (*Currency*): VND

Chi tiết người thụ hưởng: (Details of beneficiary)

Tên tài khoản thụ hưởng (*Beneficiary account name*): CTY TNHH THIET BI VA DO LUONG VIET NAM

Số tài khoản (*Beneficiary Account*): 4506352666

Tên ngân hàng (*Bank name*): NH TMCP DT VA PT VN CN HA DONG

Chi tiết giao dịch (Details of transaction)

Số tiền chuyển (*Amount*): 16775000

Ngày hiệu lực (*Effective date*): 13/03/2024

Loại phí (*Fee type*): Phí ngoài

Nội dung chuyển tiền (*Remark*): CTY CP TU VAN QUY HOACH THIET KE XD QUANG NINH thanh toan thiet bi khao sat theo HD so 5282024 ngay 1232024.



ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 03 năm (year) 2024

MÃ CQT CẤP: 000F7B8DC5933C45CFAEFA05E13EF48A42

Mẫu số (Form): 1

Ký hiệu (Serial No): C24TAA

Số (No): 71

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM
Mã số thuế (Tax code): 0108654054
Địa chỉ (Address): Số nhà 6, ngõ 109/7, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số tài khoản (Account No): 4506.352.666 Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông
Điện thoại (Tel): 0965.230.666 Website: <https://dlvn.vn/>

Họ tên người mua hàng (Customer Name):
Tên đơn vị (Company's): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH
Mã số thuế (Tax code): 5700479203
Địa chỉ (Address): Km số 3, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Số tài khoản (Account No): Tại:
Hình thức thanh toán (Payment Method): Tiền mặt/Chuyển khoản Số điện thoại (Tel):
Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Total amount)	Thuế suất GTGT (%) (VAT rate %)
1	Tủ sấy 300 độ C chi thị điện tử Model: 101-2A	Chiếc	1	6.500.000	6.500.000	10%
2	Hộp nhôm D55x35	Chiếc	30	35.000	1.050.000	10%
3	Dao cắt đất 30cm2	Chiếc	20	120.000	2.400.000	10%
4	Dao cắt đất 50cm2	Chiếc	10	120.000	1.200.000	10%
5	Bảng cột thấm nước 1 (mẫu đơn)	chiếc	1	1.500.000	1.500.000	10%
6	Hộp thấm đất nam kinh Model TST-55	Hộp	1	2.600.000	2.600.000	10%

Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total amount without VAT): 15.250.000

Tổng thuế (Total tax) 0%:

Tổng thuế (Total tax) 5%:

Tổng thuế (Total tax) 8%:

Tổng thuế (Total tax) 10%: 1.525.000

Tổng tiền thuế giá trị gia tăng (Total value added tax): 1.525.000

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 16.775.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng ./.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature and full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature and full name)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH
THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT
NAM
Ngày ký: 13-03-2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Chuỗi xác thực (Digest Value): tKadyCOEVgOt4qKX0ejkoI4h2J/a3YvR0Sj8MBhCHBs=

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi: Công ty cổ phần công nghệ thẻ Nacencomm. Mã số thuế: 0103930279.

Tra cứu hóa đơn tại địa chỉ trang web: <https://hoadon78.nacencomm.vn>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 528/2024/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội thông ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 12 tháng 03 năm 2024, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

MST: 5700 479203

Tài khoản: 44 000 000 89 tại: Ngân hàng TMCP đầu tư phát triển Việt Nam chi nhánh Quảng Ninh

Do Ông: **Vũ Thế Anh**

Giám đốc - Làm đại diện

BÊN B: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số nhà 6, Ngõ 109/7, Đường Nguyễn Văn Trỗi, P. Mộ Lao, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

MST: 0108 654 054

Số TK: 4506.352.666 Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Tây

Do Bà: **Trần Ngọc Mai**

Chức vụ: Giám đốc - Làm đại diện

Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn Giá	VAT %	Thành Tiền
ME.0934	Tủ sấy 300°C chỉ thị điện tử Model: 101-2A Dung tích: 136 lít Nhiệt độ: Cài đặt tùy ý từ nhiệt độ môi trường đến 299 độC, duy trì nhiệt độ tại điểm cài đặt Sai số hiển thị: 1 độ C Hệ thống khởi từ điều khiển đóng, ngắt khi đạt nhiệt độ cài đặt đảm bảo độ chính xác Chỉ thị bằng đồng hồ điện tử	TQ	1	ch	6.500.000	10	7.150.000
ME.1017	Hộp nhôm D55x35	TQ	30	ch	35.000	10	1.155.000
ME.0503	Dao cắt đất 30cm2 (dùng cho máy cắt phẳng)	TQ	20	ch	120.000	10	2.640.000
ME.0504	Dao cắt đất 50cm2 (dùng cho máy Tam Liên)	TQ	10	ch	120.000	10	1.320.000
ME.0502	Bảng cột thấm nước 1 mẫu (đơn)	VN	1	ch	1.500.000	10	1.650.000
ME.0499	Hộp thấm đất nam kinh Model TST-55 + Thân bằng đồng thau + Với các lỗ cho nước vào và ra + Dao vòng bằng thép không rỉ + Vòng đệm cao su và đá thấm. Kích thước mẫu thấm 61.8x40mm.	TQ	1	hộp	2.600.000	10	2.860.000
	CỘNG						16.775.000

Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng:

16.775.000

VND



(Bằng chữ: Mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng ./.)

Giá trên là giá đã bao gồm: Thuế VAT,

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.

- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại phòng TN Bên A.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thi hành

- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: Tại kho bên bán ở Hà Nội

Điều 5: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán chuyển khoản cho Bên B tại các thời điểm như sau:

Bên A thanh toán cho Bên B số tiền 16.775.000 VNĐ (Mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng ./.) ngay sau khi hợp đồng được ký kết . Sau đó bên B tiến hành bàn giao hàng hoá và xuất hoá đơn hợp lệ trả bên A.

Điều 6: Điều khoản thưởng phạt:

+ Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1%/tuần đối với số thiết bị còn thiếu.

+ Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1%/tuần đối với số tiền thanh toán chậm.

Điều 7: Các điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên B và ngược lại về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Trong thời gian bảo hành, khi máy có sự cố hỏng hóc do lỗi nhà sản xuất Bên B cam kết trong vòng 48 giờ sẽ cử cán bộ xuống kiểm tra, sửa chữa máy cho Bên A; nếu không sửa chữa được sẽ đổi máy khác cho Bên A.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Vũ Thế Anh



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Loràn Ngọc Mai



**CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VÀ VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT**

Địa chỉ giao dịch: 265 Cầu giấy - Hà nội - Việt nam

Tel: 04-38339305 / 38334172 * Fax: 04-38342845 * Email: cemaco-isc@vnn.vn



BIÊN BẢN BÀN GIAO

Hôm nay, ngày 13/6/2010, Công ty Cổ phần Tư vấn Qui hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh và Chi nhánh Công ty Cổ phần Hoá chất & Vật tư KHKT - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật cùng tiến hành bàn giao thiết bị thuộc hợp đồng số 13/HĐKT ngày 31/5/2010

Bên mua (bên A): Công ty Cổ phần Tư vấn Qui hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh

Người nhận: - Đỗ Thủy Văn

Bên bán (bên B): Chi nhánh Công ty CP Hoá chất & Vật tư KHKT - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật

Người giao: - ông Nguyễn Xuân Long - CB kỹ thuật

Danh mục hàng hoá bàn giao cụ thể như sau:

TT	Mô tả	SL	ĐVT	Xuất xứ	Ghi chú
1	Tủ sấy 0-300 ^o C model 101-2	1	cái	T.Quốc	
2	Máy cắt đất model ZJ	1	cái	T.Quốc	<u>N_o 086!</u>
3	Hộp nhôm	50	cái	V.Nam	
4	Dao vòng 61.8x 20	20	cái	T.Quốc	
5	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy dẻo	1	bộ	V.Nam	
6	Đồng hồ so 10mm	2	cái	T.Quốc	
7	Phễu thủy tinh	2	cái	V.Nam	
8	Que khuấy hạt	1	cái	V.Nam	

- Chất lượng hàng: Hàng mới 100%.
- Bảo hành phần thiết bị 06 tháng kể từ ngày bàn giao
- Hai bên thống nhất bàn giao thiết bị theo danh mục trên.
- Biên bản này được làm thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị như nhau.

Đại diện bên A

Đỗ Thủy Văn

Đại diện bên B

Nguyễn Xuân Long

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG



Hôm nay ngày 14 tháng 06 năm 2010, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

I. BÊN A (Bên nhận hàng): CÔNG TY CP TƯ VẤN QUY HOẠCH TK XD QUẢNG NINH

Người đại diện : Ông Nguyễn Mạnh Hùng Chức vụ:
Địa chỉ : Km3 Nguyễn Văn Cừ — Hạ Long — Quảng Ninh.
Điện thoại : 033 3835610 Fax: 033 3835610

II. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI HỒNG ĐÔ

Người đại diện : Ông Đỗ Mạnh Dũng Chức vụ: Giám đốc.....
Địa chỉ : Số 4, Ngõ 145 Nguyễn Văn Cừ - Long Biên - Hà Nội
Điện thoại : (04) 2615008 Fax: (04) 2615016

Điều 1: NỘI DUNG

- Bên B bán và bên A mua hàng hoá theo số lượng, quy cách, giá cả như sau:

TT	Tên hàng và quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
1	Máy khoan đất XY- 1 máy gắn động cơ diesel , cần chủ đạo ; ty ô ; sa nhích ;	bộ	1	

Điều 2: THỰC HIỆN:

A - Hàng giao đủ và mới 100%

B - Quy cách chất lượng đúng như trong hợp đồng.

Hàng bán được bên mua kiểm tra chất lượng trước khi nhận hàng

Biên bản được lập thành 01 trang 02 bản, có giá trị như nhau mỗi bên giữ 01 bản

ĐẠI BIÊN BÊN GIAO HÀNG

(ký ghi rõ họ, tên)


Đỗ Mạnh Dũng

ĐẠI BIÊN BÊN NHẬN HÀNG

(ký ghi rõ họ, tên)


Nguyễn Mạnh Hùng

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

CS/2010B

Liên 2: Giao khách hàng

0065016

Ngày..02..tháng..06..năm 2010

Đơn vị bán hàng:
 Địa chỉ:
 Số tài khoản:
 Điện thoại: MS: C.TY CP CÔNG NGHỆ & TM HỒNG ĐÔ
Số 4 Ngõ 145 Nguyễn Văn Cừ - Ngọc Lâm - Long Biên - HN
MST: 0102304455

Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: Công Ty CP Tư Vấn Quy Hoạch Thiết kế XD Quảng Ninh
 Địa chỉ: Km 3 Nguyễn Văn Cừ - Hạ Long - Quảng Ninh
 Số tài khoản:
 Hình thức thanh toán: CK MS: 5700479203

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy khoan XY-1 KT	bộ	01	75.000.000	75.000.000
<div style="position: absolute; top: 50px; left: 50px; width: 100%; height: 100%; border-left: 1px solid black; border-bottom: 1px solid black;"></div>					

Cộng tiền hàng: 75.000.000

Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 7.500.000


Tổng cộng tiền thanh toán 82.500.000

Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên): *Nguyễn Mạnh Hùng*

Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên): *Nguyễn Hồng Nhung*

Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên): *Đỗ Mạnh Dũng*



GIÁM ĐỐC

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hàng)

in tại Công ty in Tài chính



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 01.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Vòng đo lực máy cắt đất**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N^o*): **891**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 1 200) N**

Đồng hồ so: **(0 ÷ 10) mm, độ chia: 0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 108 : 2002**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Đầu đo lực kéo nén LGP 380 phạm vi đo (0÷4 450) N**

Bộ hiển thị COOPER, Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,24 %**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Số chỉ trên đồng hồ (vạch)	Lực đo được (N)
1	0	0
2	25	175,3
3	50	353,1
4	75	529,8
5	100	706,2
6	125	879,4
7	150	1 052,4

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,73 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation):

$$F = 7,0263 \times L + 1,057$$

trong đó: F là lực (N); L là giá trị chỉ thị trên đồng hồ (vạch), 1 vạch tương ứng 0,01 mm

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 02.043.26

Tên phương tiện đo (Object): **Máy nén tam liên**

Kiểu (Type): WG

Số (Serial N^o): 02

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Năm sản xuất: 2003

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 4 800) N, tỷ lệ cân i = 1: 12

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (The Place): Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷44,5) kN

Bộ hiển thị COOPER, Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 30 - 4 - 2027

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Cấp tải (kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn (N)		
			Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Mẫu thử 30 cm², tỷ lệ cân 1:12					
1	0	0	0	0	0
2	0,319	37,5	37,2	37,3	37,1
3	0,638	75	74,3	74,5	74,4
4	1,275	150	148,9	149,2	148,6
5	2,550	300	298,5	298,9	298,1
6	5,100	600	595,6	596,7	594,2
7	7,650	900	893,7	894,5	891,4
8	10,20	1 200	1 191,4	1 192,8	1 190,1
9	20,40	2 400	2 389,5	2 391,2	2 388,6
10	40,80	4 800	4 788,6	4 789,9	4 786,5

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,86 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 04.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Cân đĩa điện tử**

Kiểu (*Type*): **HC-B5003**

Số (*Serial N^o*): **LM24094003**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Technical Specifications*): **MAX = 500 g; d = 0,001 g**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*The Method used*): **QTHC 02:2018**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Bộ quả cân chuẩn F1**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

STT (No)	Mức cân (Load) (g)	Giá trị chỉ thị (Indication) (g)	Số hiệu chỉnh (Correction) (g)	Độ không đảm bảo đo U (Uncertainty) (g)
1	20	20,001	-0,001	0,002
2	50	50,001	-0,001	0,002
3	100	100,002	-0,002	0,002
4	200	200,005	-0,005	0,003
5	500	500,007	-0,007	0,004

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu (Begins)	23	64
Kết thúc (Ends)	24	65

Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45 % (k=2) (Expanded measurement uncertainty U with coverage factor k=2; confidence level of P = 95,45 %)

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 03.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Máy nén tam liên**

Kiểu (*Type*): **WG**

Số (*Serial N^o*): **03**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Năm sản xuất: **2003**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 4 800) N**, tỷ lệ cần i = 1: 12

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 108 : 2002**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Đầu đo lực kéo nén LGP 380 phạm vi đo (0÷22,25) kN**

Bộ hiển thị COOPER, Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,24 %**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD




Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Cấp tải (kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn (N)		
			Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Mẫu thử 30 cm², tỷ lệ cân 1:12					
1	0	0	0	0	0
2	0,319	37,5	37,6	37,7	37,8
3	0,638	75	75,5	75,7	75,4
4	1,275	150	151,1	151,4	150,7
5	2,550	300	302,4	302,6	301,8
6	5,100	600	604,5	605,2	603,7
7	7,650	900	904,6	906,1	904,0
8	10,20	1 200	1 207,6	1 208,3	1 206,5
9	20,40	2 400	2 408,6	2 409,9	2 406,2
10	40,80	4 800	4 810,5	4 811,6	4 807,6

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,89 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 05.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N^o*): 81104619

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: (0 ÷ 10) mm

Giá trị độ chia: 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 75 : 2001

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): $U = 0,5 \mu\text{m}$

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 30 - 4 - 2027

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(*N^o of pages*)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 14 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 6 μm
1/2 vòng (circle)	+ 7 μm
1 vòng (circle)	+ 8 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 12 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	3 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)



Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 06.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N^o*): **6336**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 12 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 6 μm
1/2 vòng (circle)	+ 7 μm
1 vòng (circle)	+ 7 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 9 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	3 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 07.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N^o*): **81105370**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 13 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 6 μm
1/2 vòng (circle)	+ 7 μm
1 vòng (circle)	+ 8 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 9 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	3 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 08.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N^o*): **91105388**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

**TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD**


Chu Công Cảnh



Trang: 1/2
(N^o of pages)

**Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng**
*(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)*

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 15 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 7 μm
1/2 vòng (circle)	+ 8 μm
1 vòng (circle)	+ 10 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 12 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	3 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 09.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N^o*): **I 71598**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 11 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 5 μm
1/2 vòng (circle)	+ 6 μm
1 vòng (circle)	+ 7 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 8 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	2 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 10.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N^o*): **N/A**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 10 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 6 μm
1/2 vòng (circle)	+ 6 μm
1 vòng (circle)	+ 7 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 8 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	3 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 11.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N^o*): **N/A**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 15 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 8 μm
1/2 vòng (circle)	+ 9 μm
1 vòng (circle)	+ 10 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 13 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	3 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 12.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N^o*): **91105390**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 12 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 6 μm
1/2 vòng (circle)	+ 7 μm
1 vòng (circle)	+ 9 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 11 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	3 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 13.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N^o*): **N/A**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 13 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 6 μm
1/2 vòng (circle)	+ 7 μm
1 vòng (circle)	+ 8 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 11 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	3 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 14.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N^o*): **N/A**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cảnh



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 14 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 6 μm
1/2 vòng (circle)	+ 7 μm
1 vòng (circle)	+ 7 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 11 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	3 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N⁰): 15.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N⁰*): **947191**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **USSR**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N⁰ of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 12 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 6 μm
1/2 vòng (circle)	+ 7 μm
1 vòng (circle)	+ 8 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 10 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	3 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)



Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N⁰): 16.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Đồng hồ so**

Kiểu (*Type*): **Cơ**

Số (*Serial N⁰*): **N/A**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 10) mm**

Giá trị độ chia: **0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 75 : 2001**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ so: UDT-2**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,5 μm**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **30 - 4 - 2027**

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N⁰ of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Sai số tổng (Total error on wide range)	+ 11 μm
Sai số thành phần (Partial error):	
1/10 vòng (circle)	+ 6 μm
1/2 vòng (circle)	+ 7 μm
1 vòng (circle)	+ 8 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	+ 9 μm
Độ hồi sai (Retrace error)	3 μm
Độ lặp lại (Repeatability)	1 μm

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 24⁰C

Độ ẩm hiệu chuẩn (Calibration humidity): 65 % RH

Độ không đảm bảo đo mở rộng (Uncertainty of measurement):

U = 5,9 μm , với k = 2, mức tin cậy 95%

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 17.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Máy nén tam liên**

Kiểu (*Type*): N/A

Số (*Serial N^o*): 01

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: (0 ÷ 2 400) N, tỷ lệ cần i = 1:12

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế
Xây dựng Quảng Ninh**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷4 450) N
Bộ hiển thị COOPER, Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 30 - 4 - 2027

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

**Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng**
*(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)*

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Cấp tải (kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn (N)		
			Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Mẫu thử 30 cm², tỷ lệ cần 1:12					
1	0	0	0	0	0
2	0,319	37,5	37,3	37,3	37,5
3	0,638	75	75,0	74,7	75,2
4	1,275	150	150,1	149,5	150,6
5	2,550	300	300,3	299,3	300,4
6	5,100	600	600,7	600,2	600,9
7	7,650	900	901,1	900,4	901,1
8	10,20	1 200	1 201,3	1 200,8	1 201,8
9	20,40	2 400	2 401,8	2 401,6	2 402,8

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,95 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N⁰): 18.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Máy nén tam liên**

Kiểu (*Type*): N/A

Số (*Serial N⁰*): 02

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: (0 ÷ 2 400) N, tỷ lệ cần i = 1:12

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷4 450) N

Bộ hiển thị COOPER, Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 30 - 4 - 2027

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N⁰ of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Cấp tải (kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn (N)		
			Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Mẫu thử 30 cm², tỷ lệ cần 1:12					
1	0	0	0	0	0
2	1,25	150,0	148,6	149,3	148,5
3	2,50	300,0	295,5	297,7	297,2
4	5,00	600,0	594,0	595,1	595,4
5	7,50	900,0	891,9	892,5	893,0
6	10,0	1 200,0	1 186,5	1 190,3	1 190,0
7	20,0	2 400,0	2 381,2	2 387,6	2 384,4

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,98 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 19.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Nhiệt kế chỉ thị hiện số của tủ sấy**

Kiểu (*Type*): 101-2A

Số (*Serial N^o*): 240127

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Technical Specifications*):

Phạm vi hoạt động: (10 ÷ 300)°C, độ phân giải: 1°C

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 138 : 2004

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Lò chuẩn nhiệt độ, model: Jupiter 650S**

Nhiệt kế điện trở chuẩn PRT số: 231383

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): $U = 0,28 \text{ }^{\circ}\text{C}$

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 30 - 4 - 2027

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Vị trí đặt nhiệt độ (°C)	Chỉ thị của nhiệt kế (°C)	Chỉ thị của chuẩn (°C)	Số hiệu chính (°C)
50	51,3	50,1	-1,2
100	102,3	100,7	-1,6
150	153,0	150,6	-2,4

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,2^{\circ}\text{C}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Website: www.ibst.vn - Email: vilas264ibst@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 20.043.26

Tên phương tiện đo (*Object*): **Máy thử độ bền nén**

Kiểu (*Type*): TYA-2000

Số (*Serial N^o*): 2403226

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Năm sản xuất: 2024

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specifications*): Phạm vi đo: (0 ÷ 999) kN, độ phân giải: 0,01 kN

Phạm vi đo: (1 000 ÷ 2 000) kN, độ phân giải: 0,1 kN

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Thiết kế**

Xây dựng Quảng Ninh

Địa điểm thực hiện (*The Place*): Km 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 109 : 2002

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): Đầu đo lực nén LRCN 730, phạm vi đo (0÷2 225) kN

(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 30 - 4 - 2027

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định


Chu Công Cảnh

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
1	0	0
2	300	298,81
3	600	601,24
4	900	903,45
5	1 200	1 209,11
6	1 500	1 512,64
7	1 800	1 816,51

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,61 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)

Nguyễn Đức Lương

PHẦN V: HỒ SƠ CHỨNG MINH ĐỊA ĐIỂM
ĐẶT PHÒNG THÍ NGHIỆM

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69 /HĐTĐ

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 5 năm 2020

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai.

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Căn cứ Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc cho Công ty Cổ phần tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh thuê 2.095,2 m² đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (hợp thức hóa) để làm trụ sở làm việc tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long);

Căn cứ Thông báo số 3206/TB-CT ngày 29/4/2020 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh “Về đơn giá thuê đất”,

Hôm nay, ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng NinhDo ông: **Nguyễn Ngọc Thu**

Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh làm đại diện

Địa chỉ: Tầng 7 tòa nhà liên cơ quan số 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

II. Bên thuê đất là Công ty Cổ phần tư vấn Quy hoạch và Thiết kế xây dựng Quảng Ninh:Do ông: **Vũ Thế Anh**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Km số 3, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Số tài khoản: 4401.000.000.0089, tại Ngân hàng thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh

III. Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê 2.095,5m² (Hai nghìn, không trăm chín mươi lăm phẩy năm mét vuông) tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản trích lục và đo vẽ bổ sung hiện trạng xin thuê đất Trụ sở Công ty Cổ phần tư vấn Quy hoạch thiết kế xây dựng Quảng Ninh tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt ngày 15/7/2019.

3. Thời gian thuê đất: 50 năm kể từ ngày 15/7/2019, hết hạn thời gian thuê đất ngày 15/7/2069.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Để làm Trụ sở làm việc

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất theo Thông báo số 3206/TB-CT ngày 29/4/2020 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh như sau:

- Đơn giá thuê đất là 34.898đồng/m²/năm (Ba mươi tư nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng), ổn định 05 năm, tính từ ngày 15/7/2019 đến ngày 15/7/2024.

Hết thời hạn ổn định giá nêu trên, giá tiền thuê đất sẽ được điều chỉnh lại theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan

- Đơn giá thuê đất để xác định truy thu tiền thuê đất như sau :

+ Đơn giá thuê đất là : 2.100đồng/m²/năm (Hai nghìn, một trăm đồng), tính từ ngày 01/01/1996 đến hết ngày 31/12/2000.

+ Đơn giá thuê đất là : 2.100đồng/m²/năm (Hai nghìn, một trăm đồng), tính từ ngày 01/01/2001 đến hết ngày 31/12/2004.

+ Đơn giá thuê đất là : 14.700đồng/m²/năm (Mười bốn nghìn, bảy trăm đồng), tính từ ngày 01/01/2005 đến hết ngày 31/12/2005.

+ Đơn giá thuê đất là : 10.500đồng/m²/năm (Mười nghìn, năm trăm đồng), tính từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 31/12/2010.

+ Đơn giá thuê đất là : 20.300đồng/m²/năm (Hai mươi nghìn, ba trăm đồng), tính từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 30/6/2014.

+ Đơn giá thuê đất là : 31.680đồng/m²/năm (Ba mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi đồng), tính từ ngày 01/7/2014 đến hết ngày 31/12/2014.

+ Đơn giá thuê đất là : 34.898đồng/m²/năm (Ba mươi tư nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng), tính từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 14/7/2019.

2. Phương thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm

3. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước thành phố Hạ Long

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của mỗi bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho Bên thứ ba.

2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai; Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới; Thực hiện đầu tư theo đúng quy hoạch, dự án được duyệt; Trả đủ tiền thuê đất đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận; Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; Không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên (nếu có).

- Đối với đất được thuê có thời hạn: Trước khi hết hạn thời gian thuê đất 06 tháng, Bên thuê đất phải có hồ sơ xin gia hạn gửi Bên cho thuê đất để xem xét; Nếu trong thời hạn trên mà Bên thuê đất không gửi hồ sơ xin gia hạn thì đến thời điểm hết hạn thời gian thuê đất, Bên cho thuê đất sẽ đơn phương quyết định thu hồi lại đất, Bên thuê đất phải chấp hành việc bàn giao lại đất; Trong trường hợp Bên thuê đất có hồ sơ xin gia hạn thời gian sử dụng đất nhưng không được Bên cho thuê đất đồng ý gia hạn thì Bên thuê đất phải thực hiện việc bàn giao, trả lại đất đã được thuê.

- Đối với các khu đất được thuê để khai thác khoáng sản, hết hạn thời gian thuê đất nhưng không được gia hạn giấy phép: Trước khi hết hạn thời gian thuê đất, Bên thuê đất phải thực hiện việc đóng cửa mỏ, hoàn nguyên môi trường theo quy định để bàn giao, trả lại đất khi hết hạn thời gian thuê đất.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên và được cơ quan Nhà nước có

thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai.

5. Bên thuê đất không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có): Không

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 06 bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản và gửi đến cơ quan thuế đã xác định mức thu tiền thuê đất 01 bản, kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất 01 bản.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được hai bên ký./.

**BÊN THUÊ ĐẤT
GIÁM ĐỐC**



Vũ Thế Anh

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Ngọc Thu

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 05 -11- 2021

Số:.....1.7.5.0.8.....Quyển số: 0.2.....

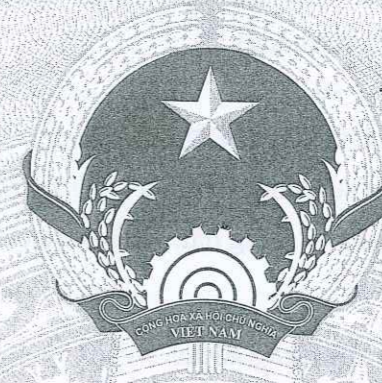


CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Thu Ngân

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700479203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp thay đổi lần thứ 7, ngày 08/10/2018

Địa chỉ trụ sở chính: Km số 3, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

CV 144200

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



0 6 6 8 8 2 0 0 0 1 6 2 5

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1, Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 275 tờ bản đồ số: 24
- b) Địa chỉ thửa đất: Phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- c) Diện tích: 2.095,5 m² (Bằng chữ: Hai nghìn không trăm chín mươi lăm phẩy năm mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng 2.095,5 m²; chung 0 m²
- đ) Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ.
- e) Thời hạn sử dụng: Hết hạn ngày 15/7/2069.
- g) Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2, Nhà ở: -/-

3, Công trình xây dựng khác: -/-

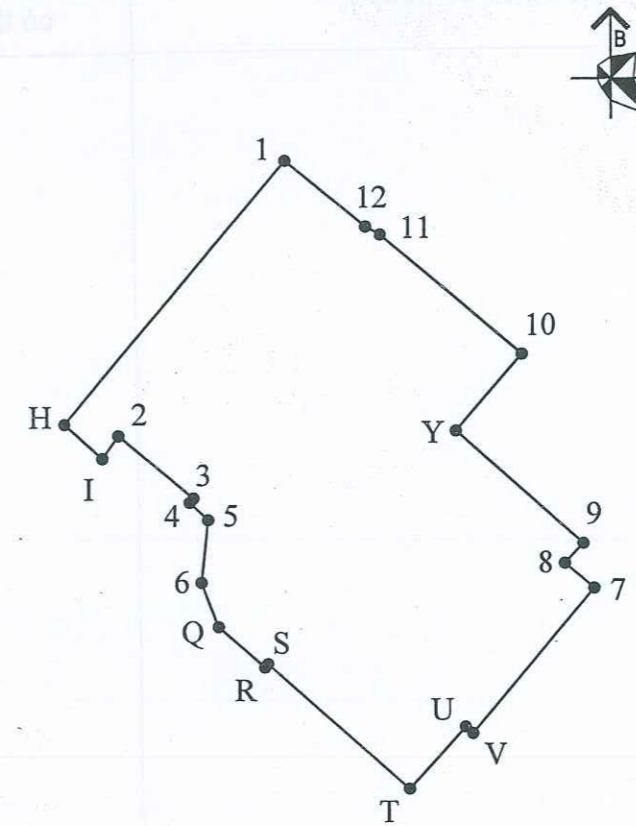
4, Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5, Cây lâu năm: -/-

6, Ghi chú:

- Mục đích sử dụng đất theo Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh là: Trụ sở làm việc.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



BẢNG KÊ TỌA ĐỘ, KHOẢNG CÁCH CÁC ĐIỂM RANH GIỚI CẤP GCN

điểm	X(m)	Y(m)	Cạnh(m)
1	2317939.079	432788.017	
H	2317909.698	432763.238	38.43
I	2317905.883	432767.540	5.78
2	2317908.420	432769.360	3.16
3	2317901.501	432777.749	10.87
4	2317901.007	432777.330	0.65
5	2317899.090	432779.410	2.83
6	2317892.100	432778.660	7.03
Q	2317887.169	432780.580	5.29
R	2317882.622	432785.708	6.85
S	2317883.042	432786.079	0.51
T	2317869.085	432801.877	21.08
U	2317876.005	432808.174	9.36
V	2317875.303	432808.174	1.10
7	2317891.514	432822.651	21.38
8	2317894.288	432819.360	4.30
9	2317896.506	432821.441	3.04
Y	2317909.049	432807.087	19.06
10	2317917.591	432814.536	11.35
11	2317930.820	432798.630	20.69
12	2317931.712	432797.009	1.85
1	2317939.079	432788.017	11.62

Ranh giới cấp GCN QSDĐ giới hạn bởi các điểm:
1, H, I, 2, 3, 4, 5, 6, Q, R, S, T, U, V, 7, 8, 9, Y, 10, 11, 12, 1
DIỆN TÍCH: 2.095,5 M2

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

<p>CHỨNG THỰC BẢN SẴO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p>
<p>Ngày: 05-11-2021 Số: 17509 Quyền số: 02</p>	
<p>S.Đ.K.H.Đ: 25 - C.T.H.Đ VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HẠ LONG T. PH. LONG T. QUẢNG NINH</p>	

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thu Ngân

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 6 năm 2020
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
TU. Q. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Ngọc Thu

Số vào sổ cấp GCN: CT.176.07

SƠ ĐỒ PHÒNG THÍ NGHIỆM

